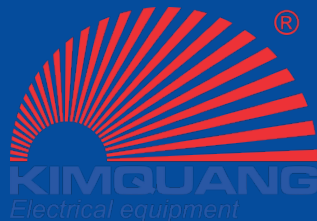
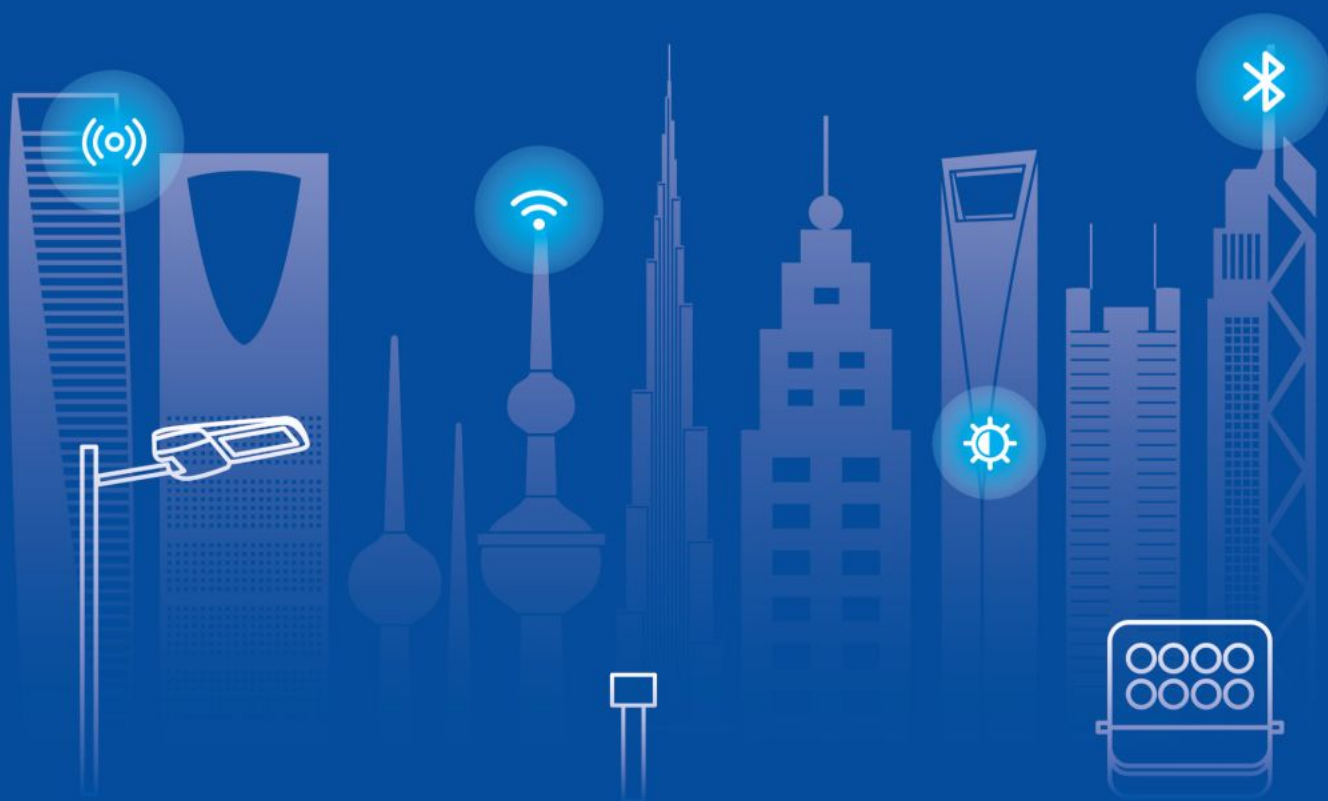


OPPLE



See Beyond

Catalogue đèn LED OPPLE 2025 - 2026



PRODUCT

CATALOGUE 2025/2026

www.kimquang.vn

OPPLE 欧普照明





OPPLE
LIGHTING.

Giới thiệu chung OPPLE

OPPLE Lighting Co., Ltd, một công ty chiếu sáng hàng đầu tại Trung Quốc, đang nhanh chóng mở rộng hoạt động tại hơn 70 quốc gia trên toàn thế giới với 6.000 nhân viên. OPPLE duy trì khái niệm thương hiệu "See Beyond" và sứ mệnh tạo ra giá trị từ ánh sáng bằng cách tập trung vào sự đổi mới đặt con người lên hàng đầu. Công ty tự hào có mạng lưới phân phối lớn nhất tại Trung Quốc và hơn 110.000 thiết bị đầu cuối bán hàng trên toàn thế giới, bao gồm hơn 3.000 cửa hàng mang thương hiệu. OPPLE tập trung mạnh mẽ vào sự đổi mới với hơn 4.000 bằng sáng chế, được hỗ trợ bởi 3 nhà máy sản xuất lớn được chứng nhận ISO và đội ngũ R&D gồm hơn 500 thành viên.

Ngoài ra, Công ty đã thành lập 4 phòng thí nghiệm chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm phòng thí nghiệm Tô Châu. Phòng thí nghiệm Tô Châu sở hữu 13 phòng thử nghiệm chuyên nghiệp, đã được CNAS/ILAC (Hợp tác công nhận phòng thí nghiệm quốc tế) cấp chứng nhận quốc gia ISO17025 và cũng được công nhận là phòng thí nghiệm công nhận quốc tế TUV, với dữ liệu được công nhận rộng rãi.

Hiện nay, chúng tôi không chỉ nắm giữ các chứng chỉ nhà máy như ISO9001: Quản lý chất lượng, ISO14001: Quản lý môi trường và ISO 45001: Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, v.v. mà còn có nhiều chứng chỉ chất lượng sản phẩm quốc tế khác nhau: CB, CE, GS và các chứng chỉ đặc biệt cho các quốc gia khác nhau: RCM (SAA), BIS, SASO, TISI, SIRIM, SNI, NEA, v.v. Với sự hiện diện tại địa phương của đội ngũ nhân viên OPPLE giàu kinh nghiệm và tay nghề cao, giờ đây bạn có thể tận dụng tối đa các sản phẩm sáng tạo của chúng tôi.

Năm 2020, OPPLE đã trở thành đối tác chính thức và là nhà cung cấp giải pháp chiếu sáng được chỉ định của Nhà triển lãm quốc gia Trung Quốc tại Expo 2020 Dubai, đồng thời thấp sáng toàn bộ hội trường hình ảnh của thành phố Thượng Hải tại Hội chợ nhập khẩu quốc tế Trung Quốc lần thứ 3 (CIIE), qua đó giới thiệu Thượng Hải như một "tấm thẻ thành phố" trước toàn thế giới.

Trung Tâm Nghiên Cứu & Phát Triển (R&D Center)

OPPLE Lighting sở hữu đội ngũ R&D chuyên nghiệp với hơn 500 thành viên và vận hành 4 phòng thí nghiệm R&D chuyên sâu tại Thượng Hải, Trung Sơn, Tô Châu và châu Âu. 4 phòng thí nghiệm này đã thiết lập mối quan hệ hợp tác chiến lược với nhiều tổ chức hàng đầu thế giới như Huawei trong các lĩnh vực công nghệ như đèn LED, TLED, hệ thống điều khiển thông minh không dây Zigbee và các công nghệ nhà thông minh.



Nghiên Cứu & Phát Triển

15

Phòng thí nghiệm R&D chuyên nghiệp

300+

Nhân sự R&D chuyên môn



24%

Trình độ Thạc sĩ trở lên

48%

Trình độ Đại học

15M+ USD

Đầu tư R&D
hàng năm

4,000+

Bằng sáng chế đã cấp
và đang chờ cấp

400+

kỹ thuật viên hàng đầu
Kỹ sư, nhà thiết kế và

Cơ Sở Sản Xuất Chính



Wujiang

Diện tích: 600,000+ m²

Nhân sự: Gần 2,000 người

Dây chuyền sản xuất:

Đèn LED (đèn âm trần/đèn rọi/đèn panel...)



Zhongshan

Diện tích: 52,000+ m²

Nhân sự: Gần 2,500 người

Dây chuyền sản xuất:

Đèn LED (nguồn sáng/đèn thanh/đèn trần...), thiết bị điện gia dụng



Icon	Description	Icon	Description
 TUV Approved	Giấy chứng nhận TUV.	 20,000 On-Off	Bật tắt 20,000 lần.
 Energy Saving	Năng lượng mặt trời, không tiêu hao điện năng.	 Dustproof & Waterproof	Chỉ số IP chống bụi và nước ẩm cao
 EMC Compliance	Tiêu chuẩn EMC.	 Impact Resistant	Chỉ số IK chịu va đập mạnh.
 Dekra Approved	Tiêu chuẩn Dekra.	 Rustproof	Chất liệu hoàn thiện bề mặt sản phẩm đặc biệt, chống rỉ sét.
 High PF	Hệ số công suất PF 0.9. giảm tải điện năng.	 Anti-shock	Chống sốc điện.
 Best TCO of Replacement	Chi phí thay thế sản phẩm thấp.	 Wind-Resistance	Chống gió bão cấp 16
 Emergency	Đèn báo khẩn cấp.	 -40+50°C Ambient Temperature	Nhiệt độ vận hành -40°C - 50°C
 Lighting Source Replaceable	Thay thế lắp đặt dễ dàng.	 Plug and Play	Thiết kế lắp đặt dễ dàng, và tiết kiệm thời gian.
 Stream Line Housing	Thiết kế giúp chóa đèn chịu lực tốt.	 Single End	Thiết kế điện 1 đầu, an toàn và lắp đặt dễ dàng.
 Robust Housing	Lớp hoàn thiện chất lượng cao.	 Instant Fix In 3"	Lắp đặt nhanh trong 3s.
 Wide Withstand Voltage	Dải điện áp rộng, từ 100-300V.	 Multiple Installation	Nhiều cách lắp đặt, móc, treo hoặc hệ thống giàn treo
 Wide Rated Voltage	Định mức điện áp rộng 100 - 240V.	 Linkable	Kết nối liên kết 2 bộ đèn, không cần phụ kiện.
 16yrs Care Free	Tuổi thọ cao lên tới 100,000 giờ.	 Toolless Maintenance	Tháo vỏ đèn dễ dàng không cần dụng cụ tháo lắp
 3yrs Warranty	Bảo hành 3 năm.	 Up to 10KV Surge Protection	Bảo vệ thiết bị điện độ xung điện lên tới 10KV
 Never Fading	Chất liệu PPMA cao cấp, chống ngả màu trong thời gian dài sử dụng sản phẩm.	 Adjustable	Tự điều chỉnh xoay chỉnh góc chiếu sáng
 650°C Antiflaming	Chịu nhiệt cao 650°C.		

OPPLE LED BULB



See Beyond



LED ECOMax1 Bulb V7

Đặc điểm

- Có nhiều loại kích cỡ, công suất và nhiều loại đuôi đèn.
- Tuổi thọ cao, lắp đặt dễ dàng.
- Góc tán quang rộng, lên tới 300°.
- Hiệu suất năng lượng cao.

Ưu điểm

- Dễ thay thế cho các thiết bị truyền thống.
- Tuổi thọ cao gấp 20 lần đèn sợi đốt, lên đến 20.000 giờ.
- Thấp sáng mọi nơi bạn cần.
- Tiết kiệm 85% năng lượng so với bóng đèn sợi đốt, 40% năng lượng so với đèn huỳnh quang.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Bán lẻ

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CRI	CCT (K)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VNĐ)
LED E1 P45 E27 3W-V7	3	250	80	3000/4000/6500	20000	100	29.000
LED E1 P45 E27 5W-V7	5	450	80	3000/4000/6500	20000	100	35.000
LED E1 A55 E27 7W-V7	7	650	80	3000/4000/6500	20000	50	44.000
LED E1 A60 E27 9W-V7	9	810	80	3000/4000/6500	20000	50	51.000
LED E1 A70 E27 12W-V7	12	1150	80	3000/4000/6500	20000	50	64.000
LED E1 A70 E27 14W-V7	14	1400	80	3000/4000/6500	20000	50	84.000

Điều kiện lắp đặt

IP	IP20
Nhiệt độ vận hành	-20~45°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

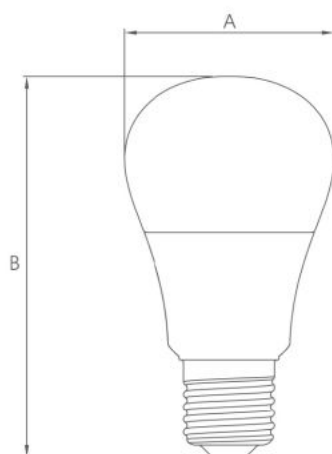
Tính chất cơ học

Chất liệu quang học	PC
Chất liệu hóa học	PBT + Aluminum
Màu sản phẩm	White

Nguồn điện

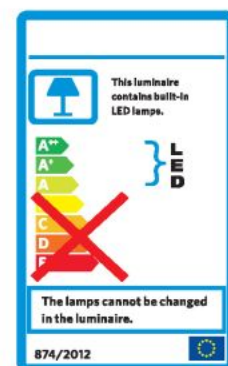
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220-240
AC/DC	AC

Bản vẽ kích thước



Mô tả sản phẩm	P45 E27	A55 E27	A60 E27	A70 E27
A(mm)	Ø46	Ø55	Ø60	Ø70
B(mm)	81	100	109	128

CB





LED Bulb US

Đặc điểm

- Đầu E27 thông dụng.
- Nhiều công suất lựa chọn.
- Chỉ số hoàn màu CRI ≥ 80 .
- Không ánh sáng xanh, không nhấp nháy.
- Hiệu suất năng lượng cao

Ưu điểm

- Dễ dàng lắp đặt thay thế.
- Phù hợp với nhu cầu sử dụng ánh sáng.
- Khi ánh sáng chiếu vào giúp màu sắc của vật thể bắt mắt hơn.
- Bảo vệ tối ưu đôi mắt bạn.
- Tiết kiệm điện năng.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Cửa hàng



Nhà hàng

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	CCT (K)	Công suất (W)	Lumen	Lm/W	IP	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (cái/thùng)	Giá bán lẻ (VNĐ)
LED-US-A45-E27-3W	3000/4000/6500	3	300	100	20	15000	100	29.000
LED-US-A45-E27-5W	3000/4000/6500	5	500	100	20	15000	100	35.000
LED-US-A60-E27-7W	3000/4000/6500	7	700	100	20	15000	100	44.000
LED-US-A60-E27-9W	3000/4000/6500	9	900	100	20	15000	100	51.000
LED-US-A60-E27-12W	3000/4000/6500	12	1200	100	20	15000	100	64.000
LED-US-A70-E27-15W	3000/4000/6500	15	1500	100	20	15000	100	84.000

Thông số kỹ thuật

CRI	≥ 80
Độ lệch màu SDCM	< 7
Dimable	Không
IP	IP20
IK	/
Kết nối Driver (Có/ Không)	Không
Kiểm tra an toàn	650°C

Nguồn điện

Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220~240
AC/DC	AC

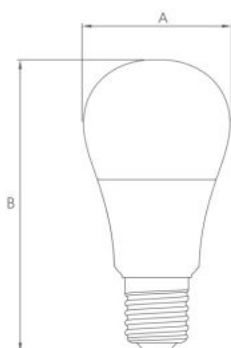
Tính chất cơ học

Chất liệu quang học	PC
Chất liệu hóa học	Nhôm
Màu sản phẩm	Trắng

Điều kiện nhiệt độ lắp đặt

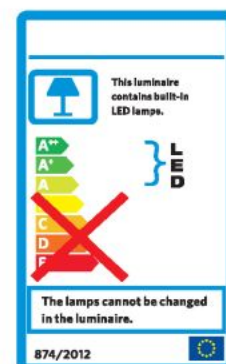
Nhiệt độ vận hành	-20°C ~ +45°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Nhiệt độ lưu kho	-25°C ~ +50°C

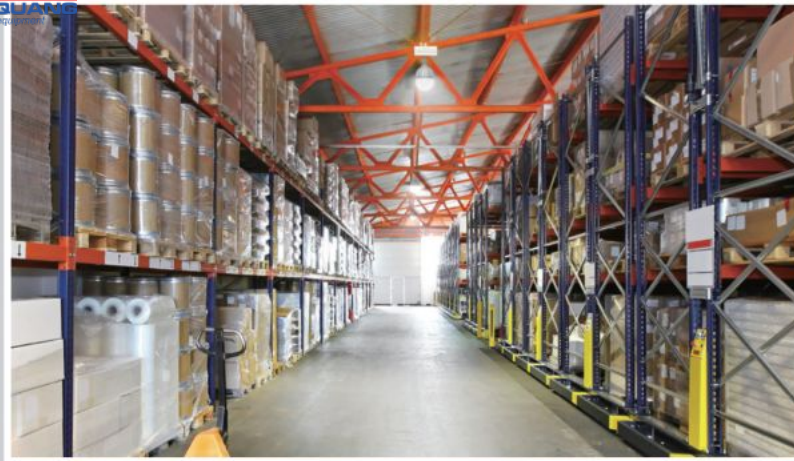
Bản vẽ kích thước



Mô tả sản phẩm	A (mm)	B (mm)
LED-US-A45-E27-3W	Ø45	80
LED-US-A45-E27-5W	Ø45	80
LED-US-A60-E27-7W	Ø60	106
LED-US-A60-E27-9W	Ø60	110
LED-US-A60-E27-12W	Ø60	120
LED-US-A70-E27-15W	Ø70	135

CB





LED Eco Save1 High Power Bulb

Đặc điểm

- Hiệu suất sáng cao, lên đến 100lm/w.
- Tuổi thọ cao.
- Hiệu suất năng lượng cao.

Ưu điểm

- Dễ dàng thay thế cho đèn huỳnh quang 45W - 105W.
- Tuổi thọ cao hơn 2,5 lần đèn huỳnh quang.
- Tiết kiệm lên đến 50% năng lượng so với bóng đèn huỳnh quang.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

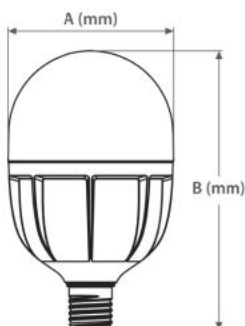
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CRI	CCT (K)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VNĐ)
LED Eco Save1 HPB E27 20W 6500k CT	20	2000	80	6500	20000	20	107.000
LED Eco Save1 HPB E27 30W 6500k CT	30	3000	80	6500	20000	20	160.000
LED Eco Save1 HPB E27 40W 6500k CT	40	4000	80	6500	20000	10	227.000
LED Eco Save1 HPB E27 50W 6500k CT	50	5000	80	6500	20000	8	329.000

Nhiệt độ nơi lắp đặt	
IP	IP20
Nhiệt độ vận hành	-20~40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

Tính chất cơ học	
Chất liệu quang học	PC
Chất liệu hóa học	PBT + Aluminum
Màu sản phẩm	White

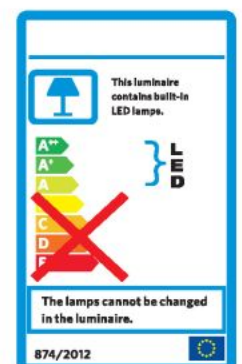
Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220-240
AC/DC	AC

Bản vẽ kích thước



Mô tả sản phẩm	20W	30W	40W	50W
A (mm)	Ø80	Ø100	Ø115	Ø130
B (mm) (E27)	142	171	196	216

CB





LED Bulb ES1 HPB

Đặc điểm

- Hiệu suất ánh sáng cao
- Độ hoàn màu cao
- Bảo vệ mắt
- Tuổi thọ cao
- Đầu E27

Ưu điểm

- Tiết kiệm điện năng so với dòng truyền thống, hiệu suất ánh sáng tăng lên 90%
- Giúp vật phẩm trong tươi sáng và đẹp hơn, không gian ấm áp hơn.
- Không có ánh sáng xanh, không nhấp nháy, giúp bảo vệ mắt, tránh mệt mỏi khi làm việc.
- Thiết kế chất liệu nhôm và nhựa cao cấp giúp tản nhiệt tốt, tăng tuổi thọ sản phẩm.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

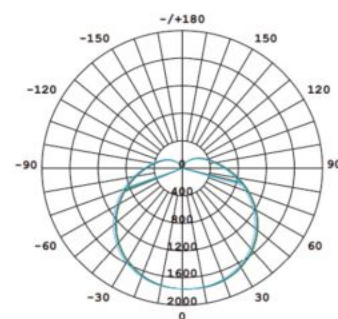
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	Lm/W	Beam (°)	Chỉ số mA	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED-ES1-HPB-E27-100W-6500K-CT	100	6500	0.5	9000	90	180	760	20000	6	640.000

Thông số kỹ thuật	
CRI	≥ 80
Độ lệch màu SDCM	< 6
Dimable	Không
Màu sắc hoàn thiện	White
IP	IP20
Kết nối Driver (Có/ Không)	Có
Kiểm tra an toàn	650°C
Tỷ lệ lỗi Driver	1% 2000h

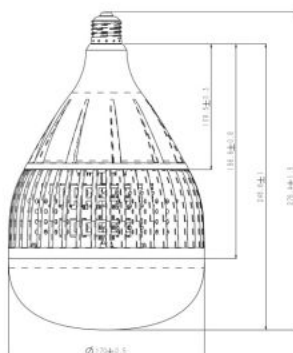
Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC
Điều kiện nhiệt độ lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-25° - 45°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C

Tính chất cơ học	
Chất liệu vỏ	Aluminum
Chất liệu hoàn thiện	PC

Thông số quang

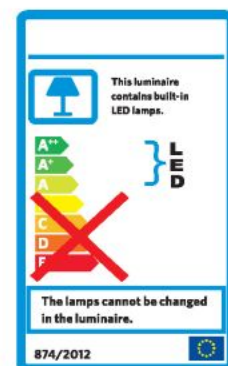


Bản vẽ kích thước



Mô tả sản phẩm	Ø (mm)	H (mm)
LED-ES1-HPB-E27-100W-6500K-CT	Ø71	274

CB





LED ES2 High Power Bulb



Không
ánh sáng xanh



Không
nhấp nháy



Ánh sáng
trung thực



Tuổi thọ
25.000 giờ



Tiết kiệm
điện năng



Điện áp
170-264V

Đặc điểm

- Không phát ra ánh sáng xanh gây hại.
- Không nhấp nháy, bảo vệ mắt.
- Chỉ số hoàn màu cao, cho ánh sáng trung thực.
- Hiệu suất ánh sáng lên đến 125 lm/w, tiết kiệm điện năng.
- Dải điện áp hoạt động rộng (170-264V), ổn định trong nhiều điều kiện nguồn điện.

Ưu điểm

- Tuổi thọ cao, sử dụng bền bỉ.
- Yên tâm sử dụng lâu dài.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Bán lẻ



Nhà máy



Bãi đỗ xe

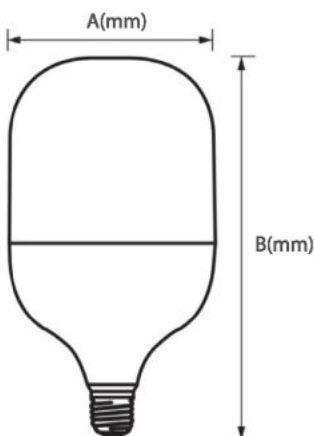


Kho hàng

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	Hiệu suất quang thông (lm/w)	CCT (K)	Tuổi thọ (Giờ)	Điện áp (V)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED ES2 HPB E27 20W 6500K CT	20	2300	115	6500	25000	170 - 264	40	90.000
LED ES2 HPB E27 30W 6500K CT	30	3750	125	6500	25000	170 - 264	40	136.000
LED ES2 HPB E27 40W 6500K CT	40	4600	115	6500	25000	170 - 264	30	190.000
LED ES2 HPB E27 50W 6500K CT	50	5500	110	6500	25000	170 - 264	20	250.000
LED ES2 HPB E27 70W 6500K CT	70	8050	115	6500	25000	170 - 264	16	350.000
LED ES2 HPB E27 100W 6500K CT	100	11500	115	6500	25000	170 - 264	12	590.000

Bản vẽ kích thước



Điều kiện lắp đặt

Nhiệt độ vận hành	-20~+40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

Tính chất cơ học

Vật liệu tản nhiệt và thân đèn	PBT + Nhôm
Vật liệu thấu kính/quang học	PC

Thông số kỹ thuật

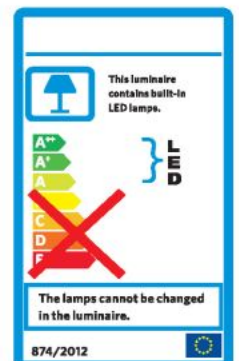
CRI	≥ 80
Độ lệch màu SDCM	< 5
Dimable	Không
Màu sắc hoàn thiện	Trắng
IP	IP20

Nguồn điện

Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	170 - 264
AC/DC	AC

Mô tả sản phẩm	20W	30W	40W	50W	70W	100W
A(mm)	Ø80	Ø100	Ø115	Ø140	Ø160	Ø180
B(mm)	148	180	208	250	266	290

CB





LED Bulb E Stick



Độ truyền
sáng tốt



CRI ≥ 80



Không Ánh
Sáng Xanh



Không
Nháy Mắt



Tuổi Thọ
Cao



Bật tắt
20.000 lần

Đặc điểm

- Hiệu suất ánh sáng cao
- Thiết kế tiện lợi
- Tuổi thọ cao
- Bảo vệ mắt
- Lắp đặt dễ dàng

Ưu điểm

- Tiết kiệm đến 50% năng lượng so với đèn truyền thống.
- Thiết kế trang nhã, kích thước nhỏ gọn, tăng độ phủ sáng 40%.
- Tuổi thọ cao 20,000 giờ.
- Hiệu suất ánh sáng cao, không nháy mắt giảm căng thẳng khi làm việc.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Trung tâm
thương mại



Phòng
hội nghị

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

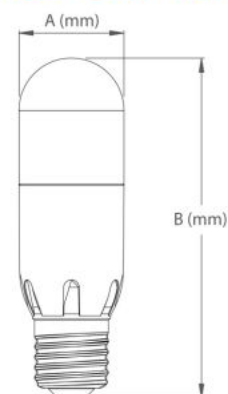
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	Lm/W	Beam (°)	CRI	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED E Stick E27 8W	8	3000/4000/6500	0.5	800/900/900	100/113/113	260°	80	20000	100	68.000
LED E Stick E27 11W	11	3000/4000/6500	0.5	1100/1200/1200	100/109/109	260°	80	20000	100	84.000
LED E Stick E27 13W	13	3000/4000/6500	0.5	1300/1450/1450	100/112/112	260°	80	20000	100	98.000
LED E Stick E27 15W	15	3000/4000/6500	0.5	1500/1700/1700	100/113/113	260°	80	20000	100	112.000

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

Điều kiện nhiệt độ lắp đặt	
IP	IP20
Môi trường lắp đặt	25°C
Nhiệt độ vận hành	-20° - 40°C
Môi trường lưu kho	-20° - 50°C

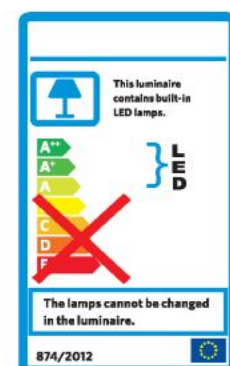
Tính chất cơ học	
Chất liệu vỏ	PC
Chất liệu hoàn thiện	Nhựa PBT - Nhôm
Màu sắc hoàn thiện	Trắng

Bản vẽ kích thước



Mô tả sản phẩm	8W	11W	13W	15W
A(mm)	Ø40	Ø44	Ø44	Ø44
B(mm)	115	140	140	160

CB





LED Spot Lamp E3

Đặc điểm

- Hiệu suất sáng cao, lên đến 110lm/w.
- Tuổi thọ cao.
- Hiệu suất năng lượng cao.

Ưu điểm

- Dễ dàng thay thế cho đèn halogen 35W - 75W.
- Tiết kiệm 85% năng lượng so với bóng đèn halogen

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Trung tâm mua sắm



Nhà hàng

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

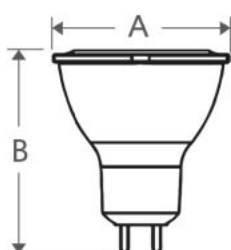
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CRI	Góc chiếu	CCT (K)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED-E3-GU10-5W-36D-2700K-CT	5	550	80	36°	2700	20000	100	81.000
LED-E3-GU10-8W-36D-2700K-CT	8	880	80	36°	2700	20000	100	95.000
LED-E3-GU10-8W-DIM-36D-2700K	8	880	80	36°	2700	20000	100	139.000
LED-E3-GX5.3-5W-36D-2700K-CT	5	550	80	36°	2700	20000	100	83.000
LED-E3-GX5.3-8W-36D-2700K-CT	8	880	80	36°	2700	20000	100	98.000

Điều kiện lắp đặt	
IP	IP20
Nhiệt độ vận hành	-20~40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

Tính chất cơ học	
Chất liệu quang học	PC
Chất liệu hóa học	Thermal Plastic + Aluminum
Màu sản phẩm	White

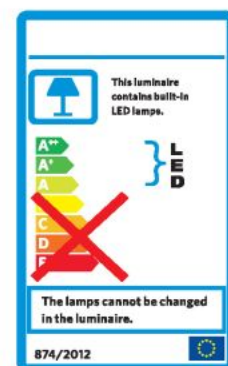
Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	12V A/DC hoặc 220-240V
AC/DC	AC hoặc DC

Bản vẽ kích thước



Mô tả sản phẩm	GU10 5W/8W	GX5.3 5W/8W
A (mm)	50	50
B (mm)	53	53

CB





C35

A60



LED EcoMax Filament

Đặc điểm

- Cho hiệu ứng chiếu sáng giống như bóng đèn sợi đốt.
- Hiệu suất ánh sáng trên 120lm/w, góc chiếu 360°
- Hiệu suất năng lượng cao.

Ưu điểm

- Có thể thay thế cho bóng đèn sợi đốt.
- Thấp sáng mọi nơi bạn cần.
- Tiết kiệm 85% năng lượng so với bóng đèn sợi đốt, 40% năng lượng so với bóng đèn huỳnh quang.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Bán lẻ

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

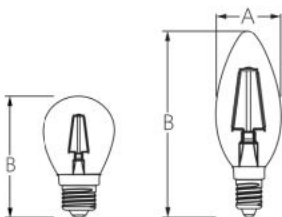
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CRI	CCT (K)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED E C35 E14 4W FILA	4	400	80	2700	20000	100	48.000
LED E A60 E27 8W FILA	8	1055	80	2700	20000	100	68.000

Nhiệt độ nơi lắp đặt	
IP	IP20
Nhiệt độ vận hành	-20~40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

Tính chất cơ học	
Chất liệu quang học	Glass
Chất liệu hóa học	Glass
Màu sản phẩm	Clear

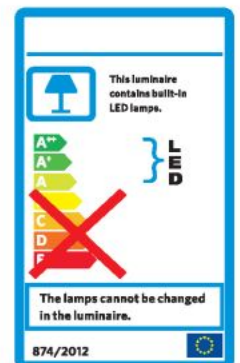
Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220-240
AC/DC	AC

Bản vẽ kích thước



	C35 E14	A60 E27
A (mm)	Ø35	Ø60
B (mm)	100	110

CB





OPPLE LED Batten



See Beyond



LED ECOMax1 T Batten

Đặc điểm

- Thiết kế nhựa nguyên khối và được tích hợp kèm cổng nối.
- Có nhiều sự lựa chọn khác nhau về độ dài và nhiệt độ màu.
- Hiệu suất năng lượng cao.

Ưu điểm

- Lắp đặt dễ dàng, không cần gắn thêm phụ kiện.
- Dễ thay thế cho các thiết bị truyền thống.
- Tiết kiệm lên đến 50% năng lượng so với các tuýp T5 truyền thống.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Bãi đỗ xe



Trung tâm mua sắm



Khách sạn



Văn phòng

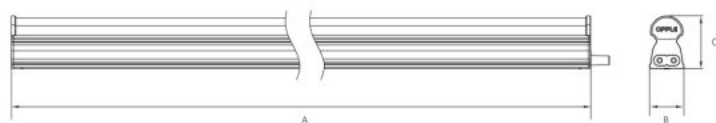
Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CRI	CCT (K)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VNĐ)
LED E1 T5 Batten 310mm 3.5W	3.5	300	75	3000/4000/5700	20000	30	91.000
LED E1 T5 Batten 570mm 7W	7	600	75	3000/4000/5700	20000	30	135.000
LED E1 T5 Batten 870mm 10.5W	10.5	900	75	3000/4000/5700	20000	30	144.000
LED E1 T5 Batten 1170mm 14W	14	1200	75	3000/4000/5700	20000	30	153.000
Leader Cable			75	3000/4000/5700	20000	30	15.000
Jumper Cable (two pin to two pin)			75	3000/4000/5700	20000	30	19.000

Điều kiện lắp đặt

IP	IP20
Nhiệt độ vận hành	-10~40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

Bản vẽ kích thước



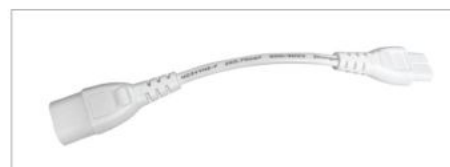
Tính chất cơ học

Chất liệu quang học	PC
Chất liệu hóa học	PC
Màu sản phẩm	White

Nguồn điện

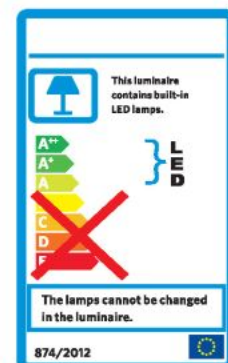
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220-240
AC/DC	AC

Thông tin phụ kiện



Leader Cable

CB





LED BÁN NGUYỆT CHỐNG ẨM

Đặc điểm

- Hiệu suất ánh sáng cao
- Chỉ số CRI 80
- Bảo vệ mắt
- Chống bụi, ẩm IP44
- Dễ lắp đặt

Ưu điểm

- Công suất cao, Quang thông lên tới 4000 Lm.
- Chỉ số hoàn màu cao giúp vật phẩm có màu sắc chuẩn đẹp.
- Không nhấp nháy mắt, không ánh sáng xanh giúp bảo vệ đôi mắt, không mệt mỏi khi làm việc.
- Thiết kế vỏ đèn chống bụi, côn trùng và môi trường ẩm IP44
- Tùy chỉnh các lắp đặt linh hoạt.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	CRI	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED-E3-Wide batten-600mm-20W-830	20	3000	0.5	2300	80	20000	30	210.000
LED-E3-Wide batten-600mm-20W-840	20	4000	0.5	2300	80	20000	30	210.000
LED-E3-Wide batten-600mm-20W-865	20	6500	0.5	2300	80	20000	30	210.000
LED-E3-Wide batten-1200mm-40W-830	40	3000	0.9	4500	80	20000	30	280.000
LED-E3-Wide batten-1200mm-40W-840	40	4000	0.9	4500	80	20000	30	280.000
LED-E3-Wide batten-1200mm-40W-865	40	6500	0.9	4500	80	20000	30	280.000

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

Điều kiện nhiệt độ lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-20° - 40°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 45°C
IP	IP44

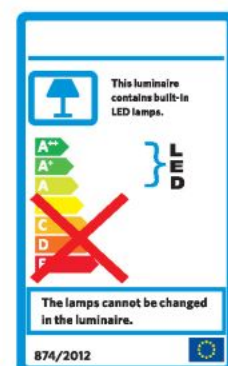
Tính chất cơ học	
Chất liệu chóa	PC
Chất liệu hoàn thiện	PC
Màu sắc hoàn thiện	Trong suốt

Bản vẽ kích thước



	A	B	C
LED-E3-Wide batten-600mm-20W	600	63	28
LELED-E3-Wide batten-1200mm-40W	1200	63	28

CB





LED BẮN NGUYỆT OVAL CHỐNG ẨM



Không nhấp nháy



Tiêu chuẩn EMC



Ánh sáng trung thực



Bảo vệ thiết bị



Hiệu suất chiếu sáng

Ứng dụng trong



Nhà xưởng



Văn phòng



Siêu thị



Nhà ở

Đặc điểm

- Không nhấp nháy, bảo vệ mắt khi sử dụng lâu dài.
- Tuân thủ tiêu chuẩn EMC, không gây nhiễu điện từ.
- Chỉ số hoàn màu CRI>8, cho ánh sáng trung thực.

Ưu điểm

- Chống xung điện lên đến 1.5KV, an toàn trong điều kiện điện áp không ổn định.
- Hiệu suất chiếu sáng lên đến 120 lm/w, giúp tiết kiệm điện năng tối đa.
- Tuân thủ tiêu chuẩn ErP, hiệu quả năng lượng cao và thân thiện môi trường.

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CCT (K)	CRI	PF	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED-E4-Wide batten-600mm-40W	40	4.800	6500	80	1	20.000	30	300.000
LED-E4-Wide batten-1200mm-60W	60	72.000	6500	80	1	20.000	20	420.000
LED-E4-Wide batten-1200mm-80W	80	96.000	6500	80	1	20.000	20	488.000
LED-E4-Wide batten-1500mm-100W	100	12.000	6500	80	1	20.000	20	580.000

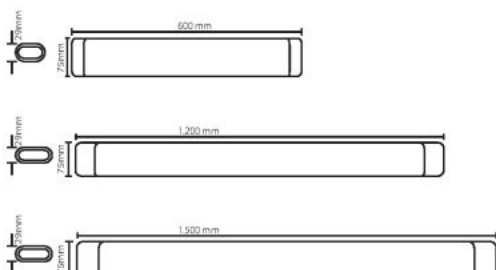
Thông số kỹ thuật	
CRI	80
Độ lệch màu SDCM	< 7
Dimable	Không
Màu sắc hoàn thiện	Trắng
IP	IP40

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	175 - 264
AC/DC	AC

Tính chất cơ học	
Vật liệu vỏ đèn/tản nhiệt	Nhôm
Vật liệu quang học	PC

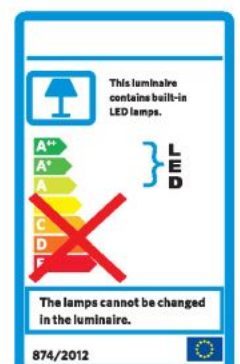
Điều kiện lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-20~+40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~+45°C

Bản vẽ kích thước



	A	B	C
LED-E4-Wide batten-600mm-40W	600	75	29
LED-E4-Wide batten-1200mm-60W	1.200	75	29
LED-E4-Wide batten-1200mm-80W	1.200	75	29
LED-E4-Wide batten-1500mm-100W	1.500	75	29

CB





LED T8 UA DE

Đặc điểm

- Hiệu suất ánh sáng cao
- Chỉ số CRI 70
- Bảo vệ mắt
- Độ sáng cao 16W 1700 Lm, 32W 3400Lm
- Tuổi thọ cao, nguồn điện ổn định
- Thiết kế Double End dễ sử dụng

Ưu điểm

- Công suất cao, Quang thông lên tới 3400 Lm.
- Chỉ số hoàn màu cao giúp vật phẩm có màu sắc chuẩn đẹp.
- Không nhấp nháy, không ánh sáng xanh giúp bảo vệ đôi mắt, không mệt mỏi khi làm việc.
- Độ sáng cao, tia ánh sáng chuẩn, rõ ràng.
- Độ xung điện 1,500 KV giúp sản phẩm ít hư hao, tiết kiệm chi phí, tuổi thọ cao.
- Lắp đặt và thay thế dễ dàng.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

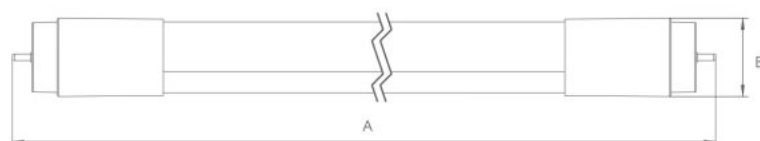
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	CRI	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED-U2-T8-600mm-16W-765-dbl-II	16	6500	0.5	1700	70	15000	25	87.000
LED-U2-T8-1200mm-32W-765-dbl-II	32	6500	0.5	3400	70	15000	25	114.000

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

Điều kiện nhiệt độ lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-25° - 45°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C
IP	IP20

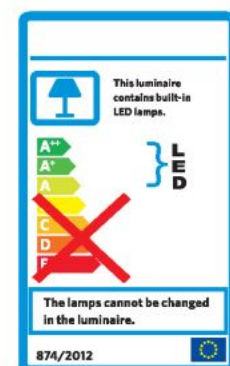
Tính chất cơ học	
Chất liệu chóa	Glass
Chất liệu hoàn thiện	Glass
Màu sắc hoàn thiện	White Golden/ Trắng vàng

Bản vẽ kích thước



	16W	16W
A (mm)	604	1213
B (mm)	Ø 25.4	Ø 25.4

CB





OPPLE LED SOFT STRIP



See Beyond



NEW GENERATION
LED FPC^{*} HV STRIP **100%**
Higher Brightness
A BREAK FROM THE NORM
by wire free FPCB process



Higher Brightness



Fix in 3"



Shock Proof



650°C Antiflaming



* Flexible Printed Circuit, printed circuit with excellent reliability and flexibility



Facebook



Zalo

Please follow us on Facebook & Zalo for more information.

See Beyond



LED Strip U HV FPC 2835

Đặc điểm

- Quang thông cao, chỉ số hoàn màu CRI ≥ 80 .
- Sản xuất theo dây chuyền khép kín, tản nhiệt tốt tạo nên chất lượng bền bỉ.
- Hiệu suất cao, độ trong suốt cao, chịu nhiệt 650° .
- Không ánh sáng xanh, không nhấp nháy.
- LED Chip 2835.

Ưu điểm

- Khi ánh sáng chiếu vào giúp màu sắc của vật thể bắt mắt hơn.
- Lắp đặt dễ dàng.
- Tiết kiệm điện năng.
- Bảo vệ tối ưu đôi mắt bạn.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Nhà hàng



Văn phòng



Trung tâm thương mại

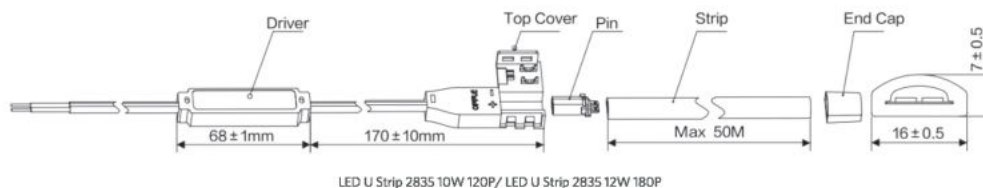
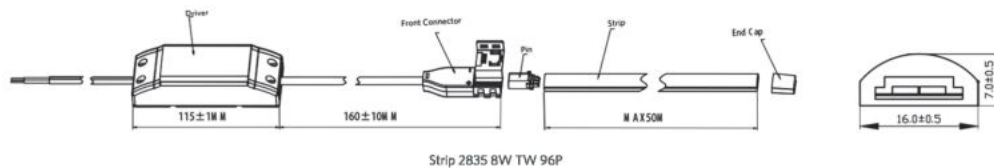
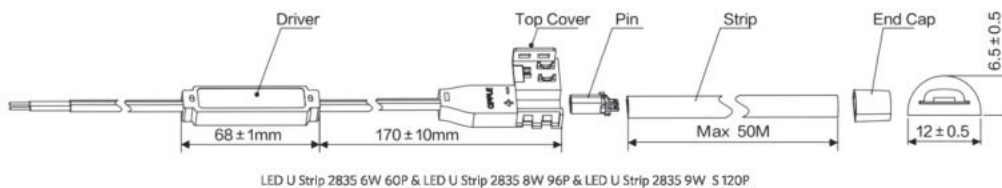


Bệnh viện

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Tên sản phẩm	Loại Led	CCT	Công suất	Lumen	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (M/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDStrip-U 50M-2835-9W	Led đơn	3000/4000/6500	9	700/750/750	15000	50m/cuộn	2.898.000
LEDStrip-U 50M-2835-12W	Led đôi	3000/4000/6500	12	1000/1000/1000	15000	50m/cuộn	4.176.000
LEDStrip-U 9W-WF-Accessory Bag							78.000
LEDStrip-U 12W-WF-Accessory Bag							78.000
Phụ kiện nối dây						50 cái/bịch	18,000/cái

Bản vẽ kích thước

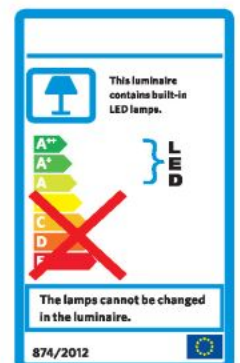


Hình ảnh phụ kiện

LEDStrip-U 50M-2835-Accessory Bag



CB





LED Strip E2 DC

Đặc điểm

- Chip Led 2835
- Thiết kế siêu mỏng
- Tuổi thọ cao
- Hiệu suất ánh sáng cao
- Chất liệu nhựa PVC trong suốt
- Tiêu chuẩn Chống nước IP65

Ưu điểm

- Led chip chất lượng cao 2835
- Chất liệu mỏng dẻo giúp lắp đặt được các ứng dụng hình dáng khác nhau.
- Thời gian sử dụng đến 25,000 giờ
- Quang thông lên đến 100Lm/W giúp ánh sáng sáng hơn.
- Nhựa trong suốt có độ đàn hồi cao, dễ điều chỉnh các góc cạnh khi lắp đặt.
- Led Strip E2 DC Tube khả năng chống nước IP65 khi lắp đặt ngoài trời

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

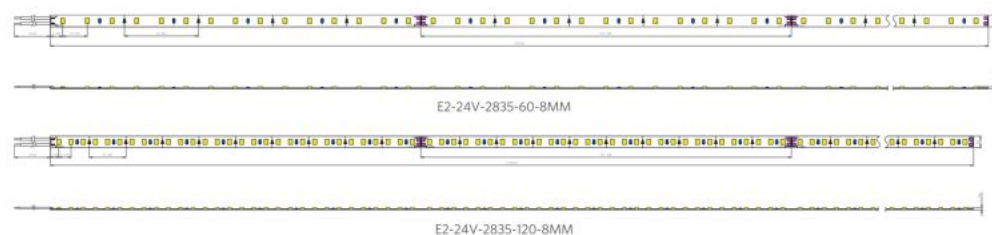
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT	SDMC	Quang thông (Lm)	CRI	Tuổi thọ (Giờ)	Giá bán lẻ (VND)
LED-EI1-24/2835-6W/60-Bare-10M	6	3000/4000/6500	< 5	600/650/650	80	25000	630.000
LED-EI1-24/2835-6W/60-Tube-10M	6	3000/4000/6500	< 5	580/600/600	80	25000	790.000
LED-EI1-24/2835-12W/120-Bare-10M	12	3000/4000/6500	< 5	1150/1200/1200	80	25000	980.000
LED-EI1-24/2835-12W/120-830-Tube-10M	12	3000	< 5	1100	80	25000	1.040.000
LED-EI1-24/2835-12W/120-840-Tube-10M	12	4000	< 5	1150	80	25000	1.380.000
LED-EI1-24/2835-12W/120-865-Tube-10M	12	6500	< 5	1150	80	25000	1.380.000
Driver 60W							380.000
Driver 120W							690.000
Driver 240W							980.000

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	24
AC/DC	DC

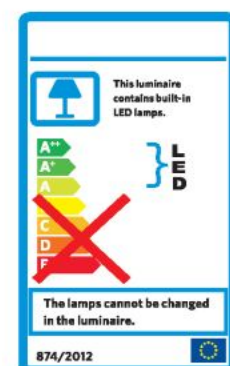
Điều kiện nhiệt độ lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-20° - 40°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C
IP	IP20 (Bare)/IP65 (Tube)

Tính chất cơ học	
Chất liệu phủ dây	PVC
Chất liệu hoàn thiện	PVC
Màu sắc hoàn thiện	Trong suốt

Hình ảnh phụ kiện



CB





LED Strip E3 DC

Đặc điểm

- Thiết kế siêu mỏng.
- CRI>90.
- Chất liệu nhựa PVC trong suốt.
- Độ sáng đồng đều - Không gây hiện tượng chói lóa.
- Điện áp an toàn 24V.
- Phù hợp lắp đặt trong môi trường nhạy cảm.

Ưu điểm

- Chất liệu mỏng dẻo, dễ dàng lắp đặt cho nhiều kiểu hình dáng.
- CRI>90 - chỉ số hoàn màu cao, tái tạo màu sắc trung thực.
- Nhựa trong suốt, đàn hồi tốt, dễ điều chỉnh góc cạnh khi lắp.
- LED Strip E3 DC Tube đạt chuẩn IP65, lắp đặt ngoài trời.
- Tuổi thọ sử dụng lên đến 25.000 giờ.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

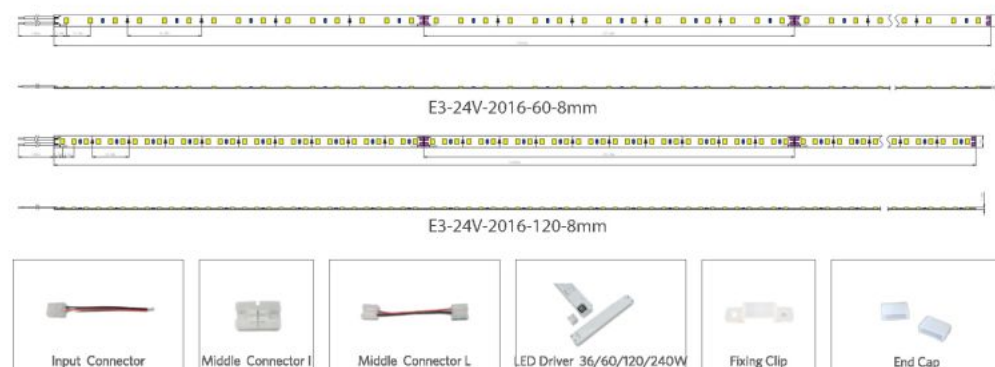
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CCT (K)	CRI	SDMC	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED-E3-24/2016-6W/60-Bare-10M	6	500	3000/4000/6500	>90	<5	25.000	30	530.000
LED-E3-24/2016-6W/60-Tube-10M	6	450	3000/4000/6500	>90	<5	25.000	20	670.000
LED-E3-24/2016-12W/120-Bare-10M	12	1.000	3000/4000/6500	>90	<5	25.000	30	830.000
LED-E3-24/2016-12W/120-Tube-10M	12	850	3000/4000/6500	>90	<5	25.000	20	880.000
Driver 60W								380.000
Driver 120W								690.000
Driver 240W								980.000

Điều kiện lắp đặt	
IP	IP20 (Bare)/IP65 (Tube)
Nhiệt độ vận hành	-20~40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-20~60°C

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	24
AC/DC	DC

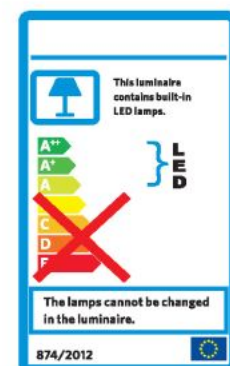
Tính chất cơ học	
Chất liệu phủ dây	PVC
Chất liệu hoàn thiện	PVC
Màu sắc hoàn thiện	Trong suốt

Hình ảnh phụ kiện



* Phụ kiện đầu nối phù hợp với dải đèn LED có chiều rộng 8mm.

CB





LED Strip P DC SCOB



Ánh sáng
trung thực



Sáng đều



Không
nháy mắt



Điện áp
24V



Lắp đặt
dễ dàng

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Nhà hàng



Văn phòng



Trung tâm
mua sắm



Bệnh viện

Đặc điểm

- CRI>90 - chỉ số hoàn màu cao.
- Độ sáng đồng đều.
- Chống cháy - bảo vệ mắt
- Điện áp an toàn 24V
- Dễ dàng lắp đặt.

Ưu điểm

- Chất liệu mỏng dẻo, dễ dàng lắp đặt cho nhiều kiểu hình dáng.
- CRI>90 - chỉ số hoàn màu cao, tái tạo màu sắc trung thực.
- Nhựa trong suốt, đàn hồi tốt, dễ điều chỉnh góc cạnh khi lắp.
- Tuổi thọ sử dụng lên đến 25.000 giờ.

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CCT (K)	CRI	SDMC	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDStrip-P-24/SCOB-12W/196	12	1000	3000/4000/6500	>90	<5	25.000	30	900.000

Điều kiện lắp đặt

IP	IP20
Nhiệt độ vận hành	-20~40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-20~60°C

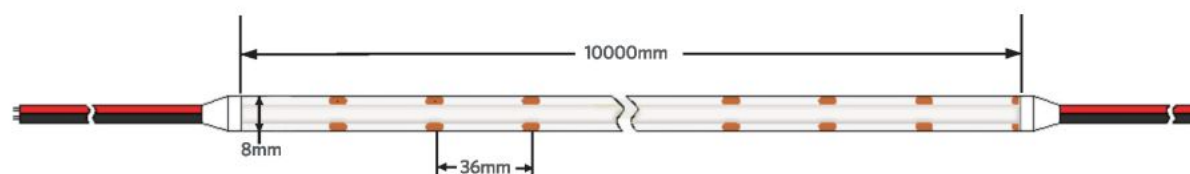
Nguồn điện

Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	24
AC/DC	DC

Tính chất cơ học

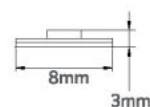
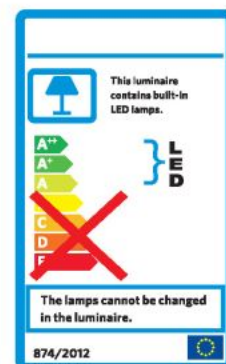
Chất liệu phủ dây	PVC
Chất liệu hoàn thiện	PVC
Màu sắc hoàn thiện	Trong suốt

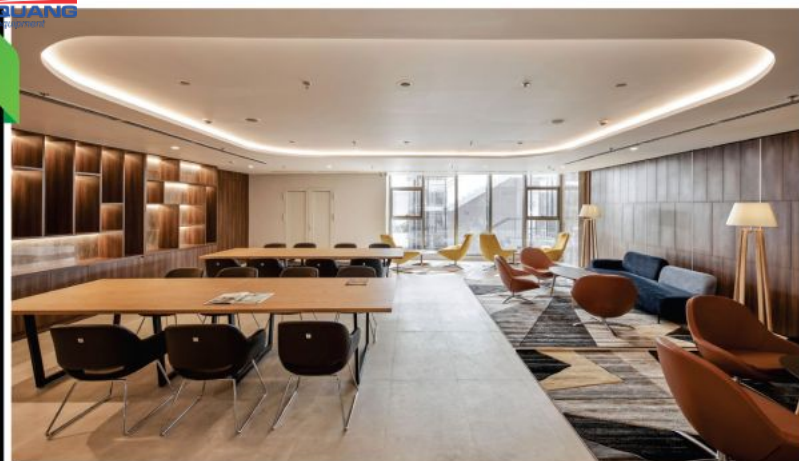
Bản vẽ kích thước



Mode	L(mm)	W(mm)	H(mm)
LED-24/12-2016-196L	10000	8	3

CB





LED Strip E2 DC Neon



Chống bụi
Chống nước



Hiệu ứng
ánh sáng



Ánh sáng
trung thực



Sáng đều



Lắp đặt
dễ dàng

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Nhà hàng



Văn phòng



Trung tâm
mua sắm



Bệnh viện

Đặc điểm

- IP65 chống bụi và chống nước.
- Hiệu ứng ánh sáng neon
- Độ sáng đồng đều
- Dễ dàng lắp đặt.

Ưu điểm

- Chất liệu mỏng dẻo, dễ dàng lắp đặt cho nhiều kiểu hình dáng.
- CRI>90 - chỉ số hoàn màu cao, tái tạo màu sắc trung thực.
- Nhựa trong suốt, đàn hồi tốt, dễ điều chỉnh góc cạnh khi lắp.
- Tuổi thọ sử dụng lên đến 15.000 giờ.

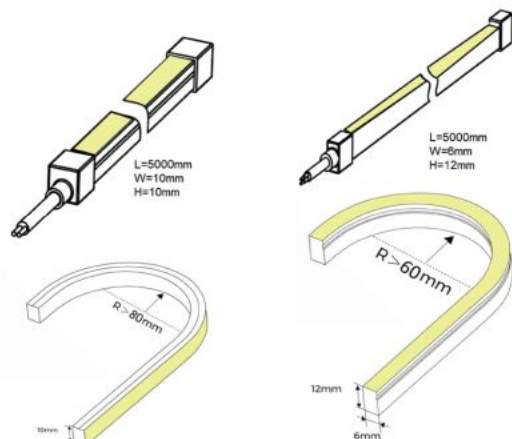
Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CCT (K)	CRI	SDMC	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED-E2-Neon-24V-10W-1010F-5m	10	470	3000/4000/6500	>90	<6	15.000	10	950.000
LED-E2-Neon-24V-10W-1012S-5m	10	200	3000/4000/6500	>90	<6	15.000	10	970.000

Mode	L(mm)	W(mm)	H(mm)
LED-24/10-2835-120NH(1010F)	5000	10	10
LED-24/10-2835-120NH(0612S)	5000	6	12

Điều kiện lắp đặt	
IP	IP 65
Nhiệt độ vận hành	-20~45°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-20~50°C

Bản vẽ kích thước



LED-24/10-2835-120NH(0612S)

LED-24/10-2835-120NH(1010F)

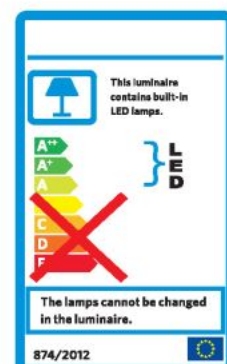
Tính chất cơ học

Chất liệu phủ dây	PVC
Chất liệu hoàn thiện	PVC
Màu sắc hoàn thiện	Trong suốt

Nguồn điện

Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	24
AC/DC	DC

CB



OPPLE LED SPOTLIGHT



See Beyond



LED Spotlight Track Utility

Đặc điểm

- Chip LED chất lượng cao và kính tế với len quang học tinh tế.
- Chóa đèn bằng nhôm giúp tỏa nhiệt tốt hơn.
- Dễ dàng xoay dọc và xoay ngang.

Ưu điểm

- Tia sáng đồng nhất và góc chiếu sắc nét.
- Chip LED hiệu suất cao tạo ra ánh sáng dễ chịu.
- Làm nổi bật sản phẩm trưng bày một cách linh động từ nhiều phía

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Nhà hàng



Bán lẻ

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CRI	Góc chiếu	CCT (K)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDSpotSM-U 7W-WH/BK-GP	7	350	80	30°	3000/4000/6500	20000	48	252.000
LEDSpotSTR-U 7W-WH/BK-GP	7	350	80	30°	3000/4000/6500	20000	48	230.000

Thông số kỹ thuật	
CRI	80
SDCM	≤ 7
Có chức năng điều khiển độ sáng	Không
Màu hoàn thiện	Trắng
IP	IP20
IK	IK 02
Kết nối Driver	Không
Kiểm tra an toàn điện	650°C
Tỉ lệ hỏng Driver	1% 5000h
Trọng lượng (pc/kg)	0.15

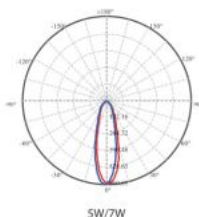
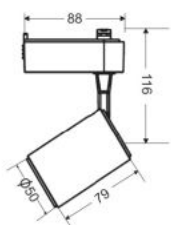
Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220-240
AC/DC	AC

Điều kiện lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-25~45°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

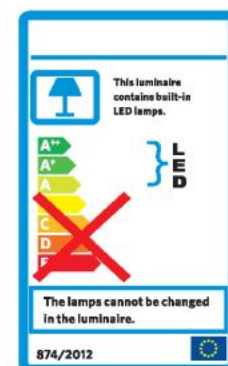
Tính chất cơ học	
Chất liệu chóa	PC
Chất liệu quang học	PMMA

Bản vẽ kích thước

	Ø(mm)	L(mm)	w(mm)	H(mm)
LEDSpotTR-U 5W-3000-30D-WH-GP	50	88	79	116
LEDSpotTR-U 7W-6500-30D-WH-GP	50	88	79	116



CB





LED Spotlight U3 Ray T2



Ánh sáng đồng đều



Không nhấp nháy



Lắp đặt linh hoạt



Lắp đặt dễ dàng

Ứng dụng trong



Cửa hàng



Văn phòng



Nhà ở



Trung tâm thương mại

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	Quang thông (Lm)	Lm/W	CRI	Góc chiếu Beam °	Chỉ số mA	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VNĐ)
LEDSpotTR-U3 T2 10W-24D-BK	10	3000/4000/5700	700/750/750	70/75/75	80	24°	0,075	20000	20	346.000
LEDSpotTR-U3 T2 10W-24D-WH	10	3000/4000/5700	700/750/750	70/75/75	80	24°	0,075	20000	20	346.000
LEDSpotTR-U3 T2 20W-24D-BK	20	3000/4000/5700	1600/1800/1800	80/85/85	80	24°	0,16	20000	20	460.000
LEDSpotTR-U3 T2 20W-24D-WH	20	3000/4000/5700	1600/1800/1800	80/85/85	80	24°	0,16	20000	20	460.000
LEDSpotTR-U3 T2 30W-24D-BK	30	3000/4000/5700	2400/2600/2600	80/85/85	80	24°	0,15	20000	20	590.000
LEDSpotTR-U3 T2 30W-24D-WH	30	3000/4000/5700	2400/2600/2600	80/85/85	80	24°	0,15	20000	20	590.000

Thông số kỹ thuật

CRI	>80
SDCM	<6
Có chức năng điều khiển độ sáng	Không
Màu hoàn thiện	Trắng & Đen
IP	IP20
IK	IK02
Kết nối Driver	Có
Kiểm tra độ an toàn	650°C
Tỉ lệ hỏng Driver	1% 5000h
Trọng lượng (pc/kg)	0,15

Nguồn điện

Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

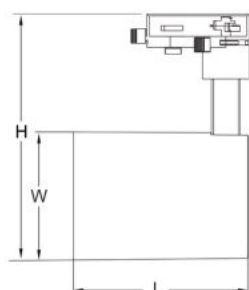
Điều kiện nhiệt độ lắp đặt

Môi trường lắp đặt	25°C
Nhiệt độ vận hành	-10° - 45°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C

Tính chất cơ học

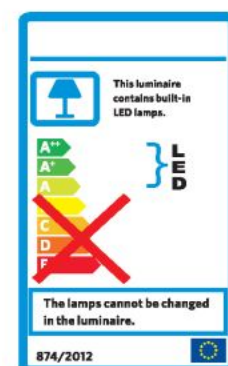
Chất liệu vỏ	Nhôm
Chất liệu hoàn thiện	PC

Bản vẽ kích thước



Mô tả sản phẩm	L(mm)	W(mm)	H(mm)
LEDSpotTR-U3 T2 10W	90	60	140
LEDSpotTR-U3 T2 20W	120	80	160
LEDSpotTR-U3 T2 30W	120	80	160

CB





LED Spotlight US

Đặc điểm

- Tia sáng rõ ràng.
- Ánh sáng dễ chịu.
- Dễ sử dụng.
- Tiết kiệm năng lượng.

Ưu điểm

- Thiết kế tấm phản xạ lăng kính vi mô quang học mới với chip COD mang đến tia sáng rõ ràng, không có bóng mờ, phù hợp với thiết kế ánh sáng theo phong cách nhấn mạnh chuyên nghiệp.
- Ánh sáng không chớp nháy giảm stress khi làm việc/ sinh hoạt.
- Tai đèn lò xo dễ dàng lắp đặt.
- Tiết kiệm đến 85% năng lượng so với đèn chiếu điểm 35W và 50W halogen, sự lựa chọn hoàn hảo thay thế cho đèn chiếu điểm truyền thống.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W/m)	Quang thông (Lm)	CRI	CCT	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDSpotlightRA-US R70 4W-WH-GP	4	270	80	3000	20000	60	81.000
LEDSpotlightRA-US R70 4W-WH-GP	4	290	80	4000	20000	60	81.000
LEDSpotlightRA-US R70 4W-WH-GP	4	290	80	5700	20000	60	81.000
LEDSpotlightRA-US R70 6W-WH-GP	6	400	80	3000	20000	60	97.000
LEDSpotlightRA-US R70 6W-WH-GP	6	450	80	4000	20000	60	97.000
LEDSpotlightRA-US R70 6W-WH-GP	6	450	80	5700	20000	60	97.000
LEDSpotlightRA-US R70 8W-WH-GP	8	550	80	3000	20000	60	111.000
LEDSpotlightRA-US R70 8W-WH-GP	8	600	80	4000	20000	60	111.000
LEDSpotlightRA-US R70 8W-WH-GP	8	600	80	5700	20000	60	111.000

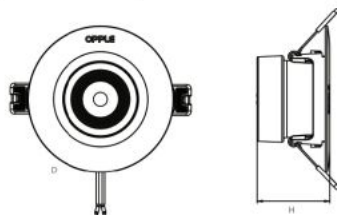
Thông số kỹ thuật	
CRI	≥80
Độ lệch màu SDCM	6
Góc chiếu	24°
Điều chỉnh ánh sáng (Dim)	Không
Màu hoàn thiện	Trắng
IP	IP20
IK	IK02
Kết nối Driver	Có
Kiểm tra an toàn điện	650°C
Ti lệ hỏng Driver	1% 5000 giờ
Trọng lượng (kg/pc)	0.085

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220-240
AC/DC	AC

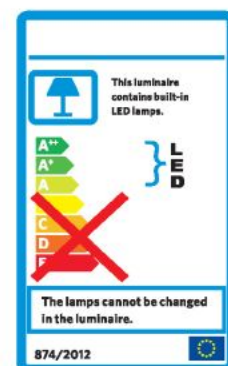
Nhiệt độ nơi lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-25~50°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

Bản vẽ kích thước

	H(mm)	D(mm)	Cutout (mm)
LEDSpotlightRA-US R70-4W	48	Ø95	Ø60 - Ø85
LEDSpotlightRA-US R70-6W	48	Ø95	Ø60 - Ø85
LEDSpotlightRA-US R70-8W	48	Ø95	Ø60 - Ø85



CB



MAKE THE **VISUAL** **SPACE VIVID**



LED U SPOTLIGHT **3 in 1**



Ra > 90



UGR < 19



Adjustment Angle



Tunable



No Blue Light



Flicker Free



Facebook



Zalo

Please follow us on Facebook & Zalo for more information.

See Beyond



LED SPOT RA BY U

Đặc điểm

- Thiết kế kiểu dáng hiện đại, tinh tế.
- Chỉ số hoàn màu CRI 90.
- Góc chiếu 24°.
- Chất liệu cao cấp, tản nhiệt tốt.
- Hiệu suất cao, chịu nhiệt 650°.
- Không ánh sáng xanh, không nhấp nháy.

Ưu điểm

- Mẫu đèn chuyên dụng cho các không gian sang trọng tạo điểm nhấn, phòng trưng bày.
- Màu sắc trung thực, bắt mắt, tôn vinh vật phẩm được chiếu sáng.
- Góc chiếu nhỏ tạo điểm nhấn nổi bật cho vật phẩm được chiếu vào.
- Lắp đặt dễ dàng.
- Tiết kiệm điện năng.
- Bảo vệ tối ưu đôi mắt bạn.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	CCT (K)	Công Suất (W)	Lumen	Lm/W	Góc chiếu	Lỗ Khoét (ø mm)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (cái/ thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDSPOTRA-BY- 5W-24D-BK	3000/3500/4000	5	390	78	24°	ø75	25000	36	275.000
LEDSPOTRA-BY- 7W-24D-BK	3000/3500/4000	7	520	75	24°	ø75	25000	36	290.000
LEDSPOTRA-BY- 9W-24D-BK	3000/3500/4000	9	580	65	24°	ø75	25000	36	310.000

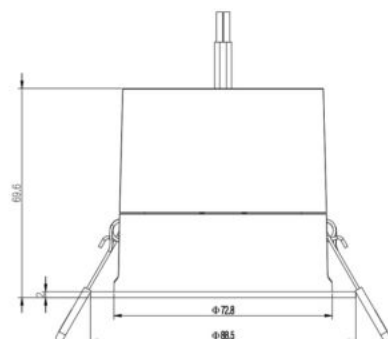
Thông số kỹ thuật	
CRI	90
Độ lệch màu SDCM	≤ 6
Dimable	3 Chế độ
IP	IP20
IK	IK02
Kết nối Driver	Không
Kiểm tra an toàn	650°C

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220~240
AC/DC	AC

Tính chất cơ học	
Chất liệu quang học	Nhựa PC
Chất liệu hóa học	Nhôm

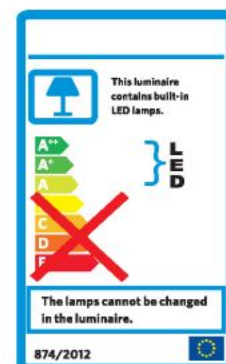
Điều kiện lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-10°C ~ 40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Nhiệt độ lưu kho	-25°C ~ 50°C

Bản vẽ kích thước



Type	H(mm)	D(mm) Ø	Lỗ khoét (mm)
LEDSPOTRA-BY- 5W-24D-BK-TW	70	Ø88	Ø70
LEDSPOTRA-BY- 7W-24D-BK-TW	70	Ø88	Ø70
LEDSPOTRA-BY- 9W-24D-BK-TW	70	Ø88	Ø70

CB



OPPLE LED DOWNLIGHT



See Beyond



PURE LIGHT COZY DELIGHT

— LED U DOWNLIGHT **3 in 1**



Ra ≥ 90



UGR < 19



Tunable



No Blue Light



Flicker Free



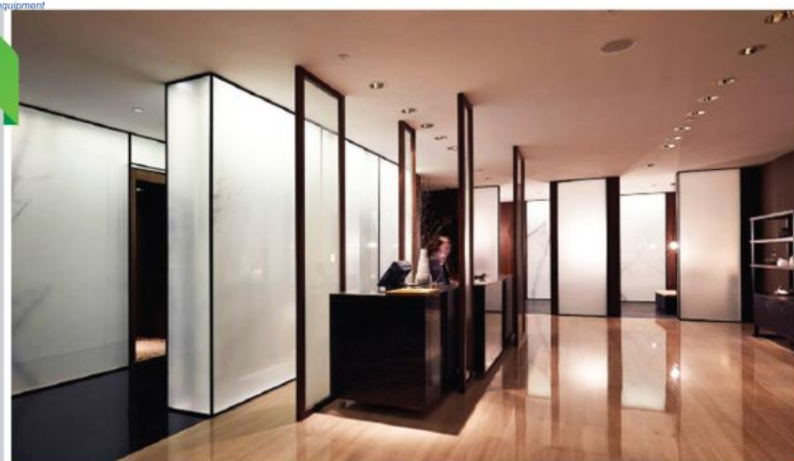
Facebook



Zalo

Please follow us on Facebook & Zalo for more information.

See Beyond



LED DownlightRC-BY-U

Đặc điểm

- Thiết kế kiểu dáng hiện đại, tinh tế.
- Chỉ số hoàn màu CRI 90.
- Chất liệu cao cấp, tản nhiệt tốt.
- Hiệu suất cao, chịu nhiệt 650°.
- Không ánh sáng xanh, không nhấp nháy mắt.

Ưu điểm

- Mẫu đèn thiết kế chuyên dụng tạo điểm nhấn cho không gian sử dụng.
- Màu sắc trung thực, bắt mắt, tôn vinh vật phẩm được chiếu sáng.
- Lắp đặt dễ dàng.
- Tiết kiệm điện năng.
- Bảo vệ tối ưu đôi mắt bạn.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	CCT (K)	Công Suất (W)	Lumen	Lm/W	Góc chiếu	Lỗ Khoét (ø mm)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (cái/ thùng)	Giá bán lẻ (VNĐ)
LEDDownlightRc-BYR75-5W-BK	3500/4000/5700	5	360	72	90°	ø75	25000	36	290.000
LEDDownlightRc-BYR75-7W-BK	3500/4000/5700	7	520	75	90°	ø75	25000	36	305.000
LEDDownlightRc-BYR75-9W-BK	3500/4000/5700	9	630	70	90°	ø75	25000	36	340.000
LEDDownlightRc-BYR75-5W-BK-TW	3 Chế độ	5	360	72	90°	ø75	25000	36	324.000
LEDDownlightRc-BYR75-7W-BK-TW	3 Chế độ	7	520	75	90°	ø75	25000	36	334.000
LEDDownlightRc-BYR75-9W-BK-TW	3 Chế độ	9	630	70	90°	ø75	25000	36	374.000

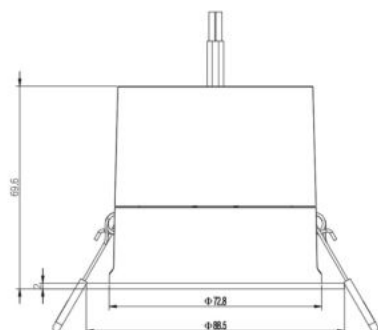
Thông số kỹ thuật	
CRI	90
Độ lệch màu SDCM	≤ 6
Dimable	3 Chế độ
IP	IP20
IK	IK02
Kết nối Driver	Không
Kiểm tra an toàn	650°C

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220~240
AC/DC	AC

Tính chất cơ học	
Chất liệu quang học	Nhựa PC
Chất liệu hóa học	Nhôm

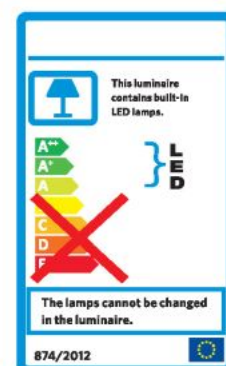
Điều kiện lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-10°C ~ 40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Nhiệt độ lưu kho	-25°C ~ 50°C

Bản vẽ kích thước



Type	H(mm)	D(mm) Ø	Lỗ khoét (mm)
LEDDownlightRc-BYR75-5W-BK	70	Ø88.5	Ø75
LEDDownlightRc-BYR75-7W-BK	70	Ø88.5	Ø75
LEDDownlightRc-BYR75-9W-BK	70	Ø88.5	Ø75

CB





LED Downlight US

Đặc điểm

- Sáng hơn.
- Ánh sáng dễ chịu.
- Dễ dàng sử dụng.
- Tiết kiệm năng lượng
- Công suất mới 8W Ø10.

Ưu điểm

- Hiệu suất sáng cao, lên tới 85lm/W.
- Ánh sáng không chớp nháy giảm stress khi làm việc hoặc sinh hoạt.
- Tai đèn lò xo dễ dàng lắp đặt.
- Tiết kiệm đến 85% năng lượng so với đèn rọi halogen, là sự lựa chọn hoàn hảo thay thế sản phẩm đèn rọi truyền thống.

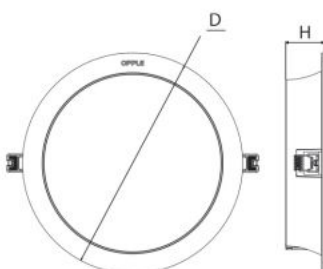
Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

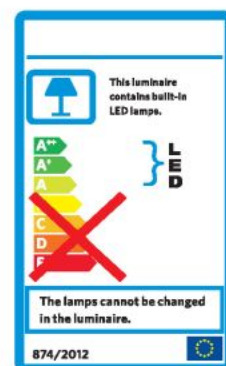
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	Quang thông (lm)	CRI	CCT (K)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED DL-RC-US-R70 4W	5	250	> 80	3000/4000/6500	20000	30	75.000
LED DL-RC-US-R85 6W	6	450	> 80	3000/4000/6500	20000	30	90.000
LED DL-RC-US-R85 7W	7	720	> 80	3000/4000/6500	20000	60	95.000
LED DL-RC-US-R90 8W	8	765	> 80	3000/4000/5700	20000	30	105.000
LED DL-RC-US-R125 9W	9	765	> 80	3000/4000/6500	20000	30	110.000
LED DL-RC-US-R150 12W-GP	12	1020	> 80	3000/4000/6500	20000	30	182.000
LED DL-RC-US-R175 18W-GP	18	1530	> 80	3000/4000/6500	20000	16	236.000
LED DL-RC-US-R200 22W-GP	22	1870	> 80	3000/4000/6500	20000	16	321.000
LED DL-RC-US-R85 7W-TW	7	580	> 80	3 chế độ	20000	30	120.000
LED DL-RC-US-R125 9W-TW	9	630	> 80	3 chế độ	20000	30	160.000
LED DL-RC-US-R150 12W-TW	12	840	> 80	3 chế độ	20000	30	210.000
LED DL-RC-US-R175 18W-TW	18	1260	> 80	3 chế độ	20000	16	270.000

Bản vẽ kích thước



	H (mm)	D (mm)	Lỗ khoét (mm)
LED DL-RC-US R70 4W	34	Ø95	Ø70~85
LED DL-RC-US R85 6W	34	Ø110	Ø85~100
LED DL-RC-US R85 7W	34	Ø110	Ø85~100
LED DL-RC-US R90 8W	34	Ø110	Ø85~100
LED DL-RC-US R125 9W	40	Ø150	Ø115~130
LED DL-RC-US R150 12W	40	Ø175	Ø140~155
LED DL-RC-US R175 18W	40	Ø200	Ø165~180
LED DL-RC-US R200 22W	40	Ø230	Ø195~210

CB





LED US Pro Tunable Downlight

Đặc điểm

- Cấu trúc nhôm nguyên khối.
- Tunable White - hiệu chỉnh ánh sáng sinh động.
- Bảo vệ mắt.
- Tiết kiệm năng lượng.

Ưu điểm

- Thiết kế tinh tế và sang trọng với cấu trúc nhôm đúc nguyên khối.
- Ánh sáng không nhấp nháy, giảm căng thẳng khi làm việc.
- Thiết kế trang nhã.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

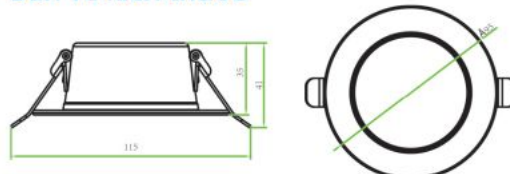
Mô tả sản phẩm	Công suất (W/m)	Hiệu số công suất	Quang thông (Lm)	Góc chiếu (°)	CCT (K)	Chỉ số mA	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDDownlightTC-US Pro R70-6W	6	0.5	440/460/460	100	3000/4000/5700	48	20000	50	165.000
LEDDownlightTC-US Pro R100-9W	9	0.5	660/680/680	100	3000/4000/5700	75	20000	40	180.000
LEDDownlightTC-US Pro R125-14W	14	0.5	1000/1100/1100	100	3000/4000/5700	115	20000	40	235.000
LEDDownlightTC-US Pro R150-18W	18	0.5	1620/1710/1710	100	3000/4000/5700	175	20000	40	458.000
LEDDownlightTC-US Pro R200-24W	24	0.5	1620/2180/2180	100	3000/4000/5700	230	20000	40	640.000
LEDDownlightTC-US Pro R70-6W-TW	6	0.5	390	100	3 Chế độ	48	20000	50	206.000
LEDDownlightTC-US Pro R100-9W-TW	9	0.5	585	100	3 Chế độ	75	20000	40	220.000
LEDDownlightTC-US Pro R125-14W-TW	14	0.5	980	100	3 Chế độ	115	20000	40	330.000
LEDDownlightTC-US Pro R100-9W CG ETO	9	0.5	585	100	3 Chế độ	75	20000	40	240.000

Thông số kỹ thuật	
CRI	≥80
Độ lệch màu SDCM	6
Điều chỉnh ánh sáng (Dim)	Không
Màu hoàn thiện	Trắng/ Đen/ Xám
IP	IP20
IK	IK02
Kết nối Driver	Có
Kiểm tra an toàn điện	650°C
Tỉ lệ hỏng Driver	1% 5000 giờ
Trọng lượng	0.075/ 0.12/ 0.137

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220-240
AC/DC	AC

Điều kiện lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-25~50°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25~50°C

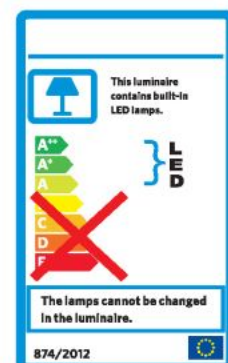
Bản vẽ kích thước



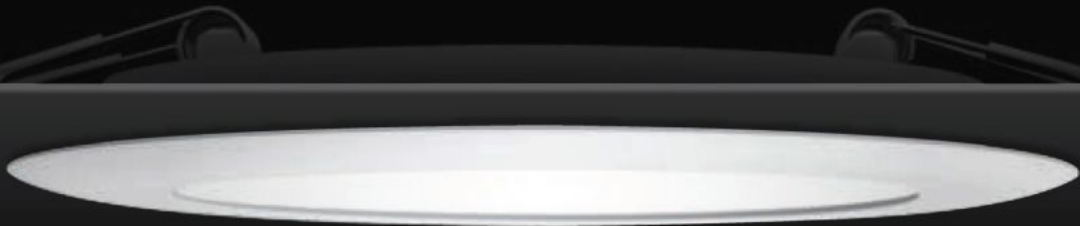
Type	H(mm)	D(mm)	Lỗ khoét (mm)
LED DL-RC-US PRO R70-6W	35	Ø95	Ø75-85
LED DL-RC-US PRO R100-9W	35	Ø115	Ø85-105
LED DL-RC-US PRO R125-14W	35	Ø140	Ø110-130

Tính chất cơ học	
Chất liệu chóa	Nhôm đúc
Chất liệu quang học	PC

CB



SLIMMER** DESIGN SHINE **BRIGHTER



LED DOWNLIGHT **ESV 3 in 1**



Thin Elegance



High Efficiency



Tunable



Ra>80



Flicker Free



Facebook



Zalo

Please follow us on Facebook & Zalo for more information.

See Beyond



LED Downlight ESV

Đặc điểm

- Thiết kế siêu mỏng, lõi nhôm bền bỉ.
- Kích cỡ đa dạng.
- Chỉ số hoàn màu CRI ≥ 80 .
- Không ánh sáng xanh, không nhấp nháy.
- Hiệu suất năng lượng cao

Ưu điểm

- Nguồn rời, phù hợp lắp trần thạch cao có khoảng cách giữa trần bê tông và trần thạch cao thấp.
- Phù hợp các nhu cầu chiếu sáng khác nhau.
- Khi ánh sáng chiếu vào giúp màu sắc của vật thể bắt mắt hơn.
- Bảo vệ tối ưu đôi mắt bạn.
- Tiết kiệm điện năng.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Văn phòng



Trung tâm thương mại

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	CCT (K)	Công Suất	Lumen	Lm/W	Lỗ Khoét (ø mm)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (cái/ thùng)	Giá bán lẻ (VNĐ)
LEDDownlightRc-ESV R125-9W	6500	9	900	100	ø125	25000	60	184.000
LEDDownlightRc-ESV R145-12W	6500	12	1200	100	ø145	25000	60	218.000
LEDDownlightRc-ESV R175-18W	6500	18	1800	100	ø175	25000	30	259.000
LEDDownlightRc-ESV R125-9W-TW	3 chế độ	9	720	80	ø125	25000	60	238.000
LEDDownlightRc-ESV R145-12W-TW	3 chế độ	12	960	80	ø145	25000	30	282.000
LEDDownlightRc-ESV R175-18W-TW	3 chế độ	18	1440	80	ø175	25000	30	378.000

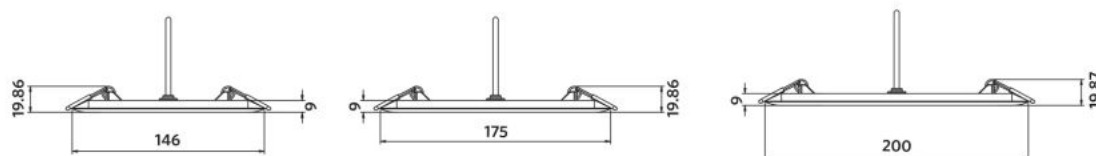
Thông số kỹ thuật	
CRI	80
Độ lệch màu SDCM	≤ 7
Dimable	Không
IP	IP20 (Mặt trước IP40)
IK	IK02
Kết nối Driver	Không
Kiểm tra an toàn	650°C

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220~240
AC/DC	AC

Tính chất cơ học	
Chất liệu quang học	Nhôm + Nhựa PC
Chất liệu hóa học	Nhựa
Màu sản phẩm	Trắng

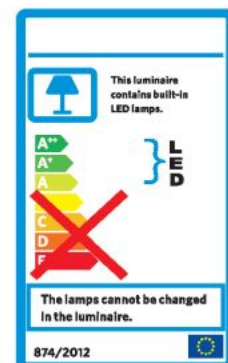
Điều kiện lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-20°C ~ 40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25°C ~ 50°C

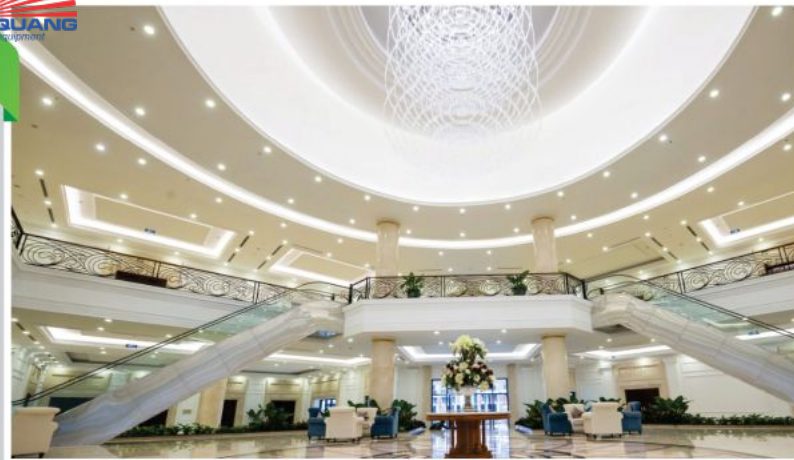
Bản vẽ kích thước



Type	H(mm)	D(mm)	Lỗ khoét (mm)
LEDDownlightRc-ESV R125-9W	9	146	Ø125
LEDDownlightRc-ESV R145-12W	9	175	Ø145
LEDDownlightRc-ESV R175-18W	9	200	Ø175

CB





LED Downlight ESVI

Đặc điểm

- Thiết kế siêu mỏng, lõi nhôm bền bỉ.
- Kích cỡ đa dạng.
- Chỉ số hoàn màu CRI ≥ 80 .
- Không ánh sáng xanh, không nhấp nháy.
- Hiệu suất năng lượng cao

Ưu điểm

- Nguồn rời, phù hợp lắp trần thạch cao có khoảng cách giữa trần bê tông và trần thạch cao thấp.
- Phù hợp các nhu cầu chiếu sáng khác nhau.
- Khi ánh sáng chiếu vào giúp màu sắc của vật thể bắt mắt hơn.
- Bảo vệ tối ưu đôi mắt bạn.
- Tiết kiệm điện năng.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Khách sạn



Văn phòng



Trung tâm thương mại

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	CCT (K)	Công Suất	Lumen	Lm/W	Lỗ Khoét (ø mm)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (cái/ thùng)	Giá bán lẻ (VNĐ)
LEDDownlightRc-ESVI R125-9W	3000/6500	9	810/900	90/100	ø125	25000	60	184.000
LEDDownlightRc-ESVI R145-12W	3000/6500	12	1080/1200	90/100	ø145	25000	60	218.000
LEDDownlightRc-ESVI R175-18W	3000/6500	18	1620/1800	90/100	ø175	25000	30	259.000
LEDDownlightRc-ESVI S125-9W	3000/6500	9	810/900	90/100	125*125	25000	60	184.000
LEDDownlightRc-ESVI S145-12W	3000/6500	12	1080/1200	90/100	145*145	25000	60	218.000
LEDDownlightRc-ESVI S175-18W	3000/6500	18	1620/1800	90/100	175*175	25000	30	259.000

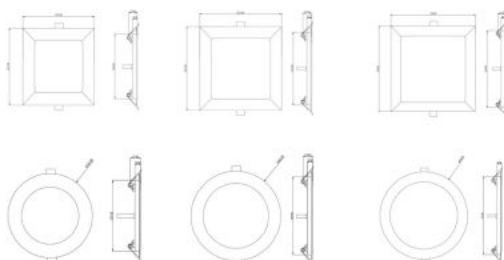
Thông số kỹ thuật	
CRI	80
Độ lệch màu SDCM	≤ 7
Dimable	Không
IP	IP20 (Mặt trước IP40)
IK	IK02
Kết nối Driver	Không
Kiểm tra an toàn	650°C

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50 / 60
Điện áp (V)	220~240
AC/DC	AC

Tính chất cơ học	
Chất liệu quang học	Nhôm + Nhựa PC
Chất liệu hóa học	Nhựa
Màu sản phẩm	Trắng

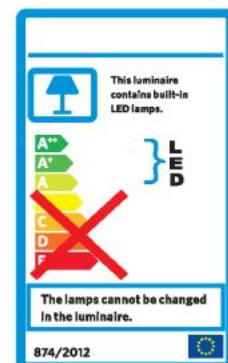
Điều kiện lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-20°C ~ 40°C
Nhiệt độ nơi lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25°C ~ 50°C

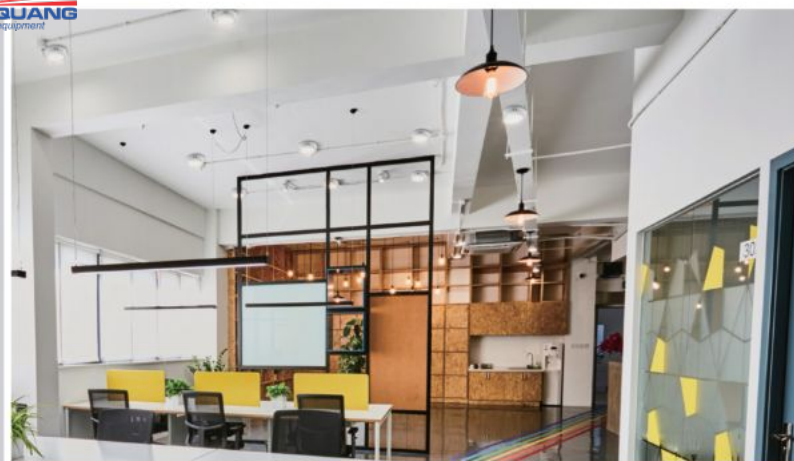
Bản vẽ kích thước



Type	H(mm)	D(mm)	Lỗ khoét (mm)
LEDDownlightRc-ESVI R125-9W	10	145	ø 125
LEDDownlightRc-ESVI R145-12W	10	165	ø 145
LEDDownlightRc-ESVI R175-18W	10	190	ø 175
LEDDownlightRc-ESVI S125-9W	10	/	125*125
LEDDownlightRc-ESVI S145-12W	10	/	145*145
LEDDownlightRc-ESVI S175-18W	10	/	175*175

CB





LED Downlight E2 SM HPF

Đặc điểm

- Hiệu suất ánh sáng cao
- Hệ số công suất cao 0.9 PF
- Thiết kế trang nhã
- Tuổi thọ cao
- Lắp đặt dễ dàng

Ưu điểm

- Tiết kiệm đến 50% năng lượng so với đèn truyền thống.
- Bộ tản nhiệt cao 0.9 PF giúp tiết kiệm điện năng, tăng tuổi thọ sản phẩm.
- Thiết kế mỏng nhẹ, trang nhã phù hợp trong nhiều ứng dụng lắp đặt.
- Tuổi thọ cao hơn so với đèn truyền thống, lên tới 30,000 giờ.
- Nguồn rời có thể thay thế dễ dàng.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	Lm/W	Beam (°)	CRI	Chỉ số mA	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDDownlightSm-HPF ESII R100-6W	6	3000/4000/6500	0.9	540	90	110	>80	30	30000	30	224.000
LEDDownlightSm-HPF ESII R150-12W	12	3000/4000/6500	0.9	1080	90	110	>80	65	30000	20	270.000
LEDDownlightSm-HPF ESII R200-18W	18	3000/4000/6500	0.9	1620	90	110	>80	90	30000	10	380.000
LEDDownlightSm-HPF ESII R200-24W	24	3000/4000/6500	0.9	2160	90	110	>80	120	30000	10	477.000
LEDDownlightSm-HPF ESII S100-6W	6	3000/4000/6500	0.9	540	90	110	>80	30	30000	30	224.000
LEDDownlightSm-HPF ESII S150-12W	12	3000/4000/6500	0.9	1080	90	110	>80	65	30000	20	270.000
LEDDownlightSm-HPF ESII S200-18W	18	3000/4000/6500	0.9	1620	90	110	>80	90	30000	10	380.000
LEDDownlightSm-HPF ESII S200-24W	24	3000/4000/6500	0.9	2160	90	110	>80	120	30000	10	477.000

Thông số kỹ thuật

CRI	80
Độ lệch màu SDCM	≤ 5
Dimable	Không
Màu sắc hoàn thiện	White
IP	IP20
IK	IK02
Kết nối Driver (Có/ Không)	Có
Kiểm tra an toàn	650°C
Tỷ lệ lỗi Driver	1% 5000h

Điều kiện nhiệt độ lắp đặt

Nhiệt độ vận hành	-15° - 45°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C

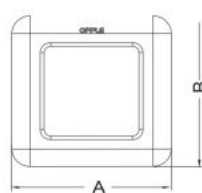
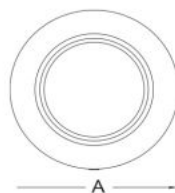
Nguồn điện

Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

Tính chất cơ học

Chất liệu chóa	PP + Iron
Chất liệu hoàn thiện	PMMA

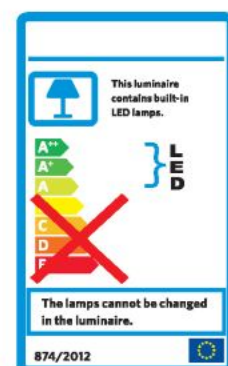
Bản vẽ kích thước



	A(mm)	C(mm)
LEDDownlightSm-HPF ESII R100-6W	Ø124	40
LEDDownlightSm-HPF ESII R150-12W	Ø166	40
LEDDownlightSm-HPF ESII R200-18W	Ø223	40
LEDDownlightSm-HPF ESII R200-24W	Ø223	40

	A(mm)	B(mm)	C(mm)
LEDDownlightSm-HPF ESII S100-6W	Ø124	124	40
LEDDownlightSm-HPF ESII S150-12W	Ø166	166	40
LEDDownlightSm-HPF ESII S200-18W	Ø223	223	40
LEDDownlightSm-HPF ESII S200-24W	Ø223	223	40

CB





LED Downlight US Pro SM

Đặc điểm

- Hiệu suất ánh sáng cao
- Vỏ kim loại nhôm
- Thiết kế trần viền
- Tuổi thọ cao
- Bảo vệ mắt
- Lắp đặt dễ dàng

Ưu điểm

- Tiết kiệm đến 50% năng lượng so với đèn truyền thống.
- Cấu trúc vỏ nhôm bền bỉ, sang trọng, gam màu trang nhã, 2 màu trắng và đen.
- Thiết kế trang nhã, trần viền kích thước nhỏ gọn, tăng độ phủ sáng 40%.
- Tuổi thọ cao hơn so với đèn truyền thống, lên tới 20,000 giờ.
- Hiệu chuẩn ánh sáng SDCM 6, không nhấp nháy mắt giảm căng thẳng khi làm việc.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	Lm/W	Beam (°)	CRI	Chỉ số mA	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDDownlightSm-US R85-6W	6	3000/4000/6500	0.5	420/450/450	70/75/75	100	>80	55	20000	50	190.000
LEDDownlightSm-US R85-9W	9	3000/4000/6500	0.5	630/675/675	90/95/95	100	>80	75	20000	50	208.000
LEDDownlightSm-US R110-14W	14	3000/4000/6500	0.5	1260/1330/1330	90/95/95	100	>80	125	20000	40	282.000
LEDDownlightSm-US R140-18W	18	3000/4000/6500	0.5	1620/1710/1710	90/95/95	100	>80	175	20000	40	346.000
LEDDownlightSm-US R140-24W	24	3000/4000/6500	0.5	2160/2280/2280	90/95/95	100	>80	230	20000	40	446.000

Thông số kỹ thuật

CRI	>80
Độ lệch màu SDCM	6
Dimable	Không
Màu sắc hoàn thiện	White/Black
IP	IP20
IK	IK02
Kết nối Driver (Có/ Không)	Có
Kiểm tra an toàn	650°C
Tỷ lệ lỗi Driver	1% 5000h

Nguồn điện

Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

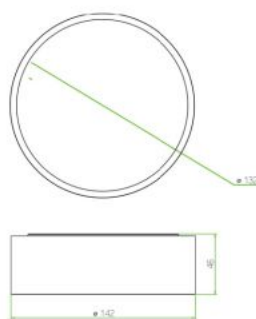
Tính chất cơ học

Chất liệu chóa	Alumium
Chất liệu hoàn thiện	PC

Điều kiện nhiệt độ lắp đặt

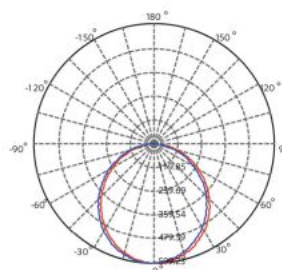
Nhiệt độ vận hành	-15° - 45°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C

Bản vẽ kích thước

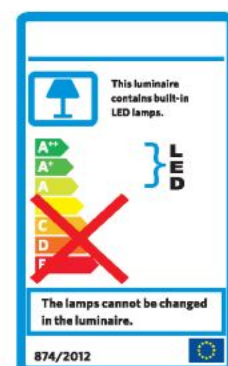


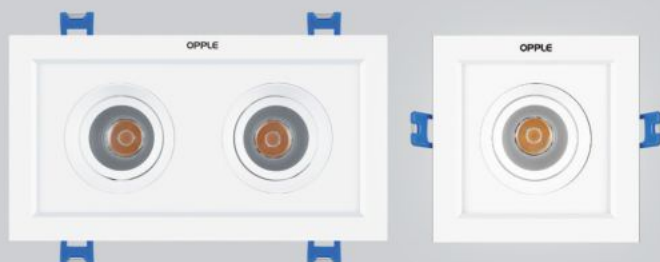
	H(mm)	D(mm)
LEDDownlightSm-US R85-6W	45	Ø87
LEDDownlightSm-US R85-9W	45	Ø87
LEDDownlightSm-US R110-14W	45	Ø112
LEDDownlightSm-US R140-18W	45	Ø142
LEDDownlightSm-US R140-24W	45	Ø142

Thông số trắc quang



CB





LED SPOTLIGHT US GRID

Đặc điểm

- Hiệu suất ánh sáng cao
- Thiết kế đẹp mắt
- Ánh sáng dễ chịu
- Tuổi thọ cao
- Bảo vệ mắt
- Lắp đặt dễ dàng

Ưu điểm

- Tiết kiệm đến 50% năng lượng so với đèn truyền thống.
- Thiết kế trang nhã, thon gọn, gam màu trắng sang trọng.
- Ánh sáng hài hòa, không chói, không nhấp nháy giúp cho mắt thoải mái khi làm việc.
- Tuổi thọ cao hơn so với đèn truyền thống, lên tới 20,000 giờ.
- Hiệu chuẩn ánh sáng SDCM 6, không nhấp mắt giảm căng thẳng khi làm việc.

Ứng dụng trong



Nhà ở



Trung tâm thương mại



Khách sạn



Phòng hội nghị

Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	Lm/W	Chỉ số mA	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDSpotGR-US-1-6W	6	3000/4000/5700	0.5	400/450/450	67/75/75	49	20000	12	152.000
LEDSpotGR-US-1-8W	8	3000/4000/5700	0.5	550/600/600	67/75/75	66	20000	12	190.000
LEDSpotGR-US-2-12W	12	3000/4000/5700	0.5	800/900/900	69/75/75	98	20000	6	276.000
LEDSpotGR-US-2-16W	16	3000/4000/5700	0.5	1100/1200/1200	69/75/75	132	20000	6	330.000

Thông số kỹ thuật

CRI	80
Độ lệch màu SDCM	≤6
Dimable	Không
Màu sắc hoàn thiện	White
IP	IP20
IK	IK02
Kết nối Driver (Có/ Không)	Có
Kiểm tra an toàn	650°C
Tỷ lệ lỗi Driver	1% 5000h

Nguồn điện

Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

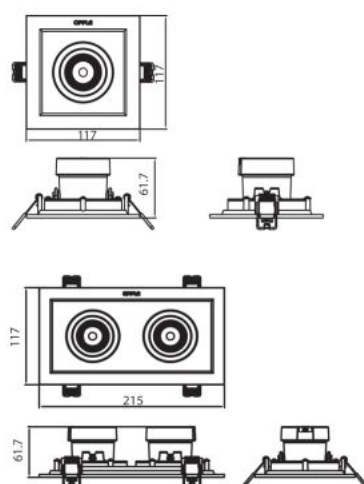
Tính chất cơ học

Chất liệu chóa	PC
Chất liệu hoàn thiện	PC

Điều kiện nhiệt độ lắp đặt

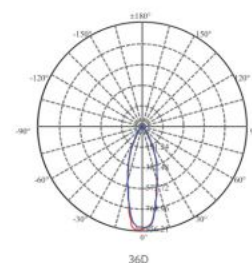
Nhiệt độ vận hành	-15° - 40°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C

Bản vẽ kích thước

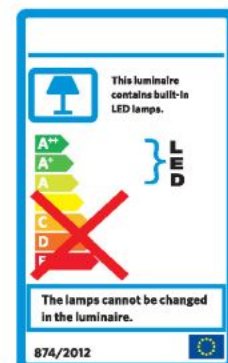


	L(mm)	W(mm)	H(mm)	Lỗ khoét (mm)
LEDSpotGR-US-1-6W	117	117	62	100 * 100
LEDSpotGR-US-1-8W	117	117	62	100 * 100
LEDSpotGR-US-2-12W	117	215	62	100 * 190
LEDSpotGR-US-2-16W	117	215	62	100 * 190

Thông số trắc quang



CB

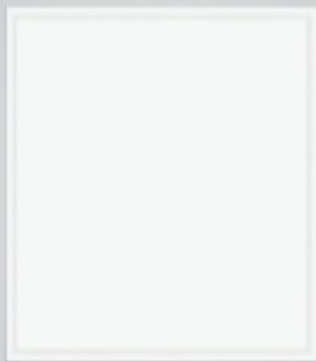




OPPLE LED PANEL



See Beyond



LED Panel U4 & U5 Backlit

Đặc điểm

- Thiết kế mỏng nhẹ
- Kích thước đa dạng dễ lắp đặt
- Không chớp nháy
- Hiệu suất ánh sáng cao
- Tuổi thọ cao

Ưu điểm

- Sự kết hợp hoàn hảo thiết kế mỏng nhẹ, tinh tế và sang trọng.
- Nhiều kích thước lựa chọn phù hợp với nhiều ứng dụng khác nhau.
- Ánh sáng hài hòa, không nhấp nháy, êm dịu, giảm căng thẳng khi làm việc.
- Hiệu suất ánh sáng cao lên tới 120Lm/ giờ, giúp giảm 30% điện năng tiêu thụ.
- Chóa đèn chất liệu nhựa PC chống ổ vàng điểm và phát tia sáng hài hòa.

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	Lm/W	Chỉ số mA	Kích thước (LxWxH)	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LEDPBL-U4 Sq595-32W	32	4000/6500	0.95	3840	120	145	595*595*35	30.000	8	880.000
LEDPBL-U4 Sq595-45W	45	4000/6500	0.95	3825	85	200	595*595*35	30.000	8	880.000
LEDPBL-U5 Re295-36W	36	4000/6500	0.95	2880	80	165	1195*295*35	30.000	8	980.000
LEDPBL-U5 Sq595-48W	48	4000/6500	0.95	3840	80	220	595*595*35	30.000	8	900.000

Thông số kỹ thuật

Lấn Bật/Tắt	50.000
Độ lệch màu SDCM	≤5
Dimable	Không
Màu sắc hoàn thiện	White
IP	IP20
Kết nối Driver (Có/ Không)	Có
Kiểm tra an toàn	650°C
Tỷ lệ lỗi Driver	1% 5.000h

Nguồn điện

Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

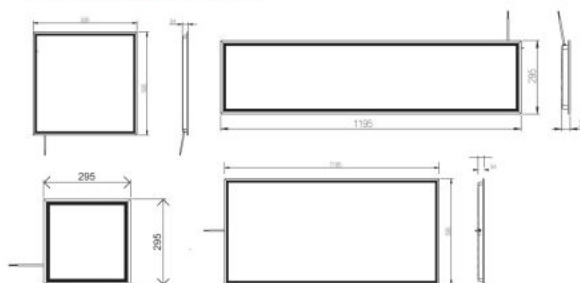
Tính chất cơ học

Chất liệu chóa	Alumium
Chất liệu hoàn thiện	PS

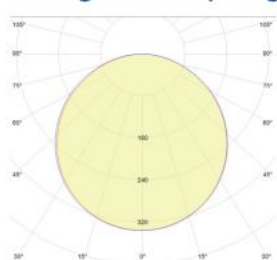
Điều kiện nhiệt độ lắp đặt

Nhiệt độ vận hành	-10° - 40°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C

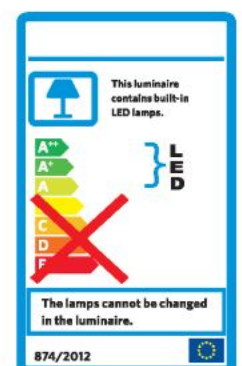
Bản vẽ kích thước



Thông số trắc quang



CB



LIGHTING EXPERT

-LED FLOODLIGHT EQ 3

BEYOND THE LIMITS



30000
hrs+

5yrs Care Free

IP66

Dustproof &
Waterproof



Wind-Resistance



Rustproof



Up to 10KV
Surge Protection



Facebook



Zalo

Please follow us on Facebook & Zalo for more information.

See Beyond



LED Floodlight EQ3

Đặc điểm

- Chống nước và bụi tốt
- Độ xung điện cao
- Thiết kế mỏng 36mm
- Tuổi thọ cao
- Chống nhiễu điện EMC

Ưu điểm

- Tiêu chuẩn IP66 chống nước tốt, van thoát hơi nước thích hợp cả những môi trường khó tính như khu vực gần biển.
- Độ xung điện lên đến 10KV, thích hợp những nơi dòng điện không ổn định.
- Thiết kế mỏng đẹp mắt, kết hợp nhiều mắt thấu kính tạo nên sự sáng tạo về thẩm mỹ.
- Chất liệu vỏ bằng Nhôm cao cấp, thấu kính chịu nhiệt tốt. Tuổi thọ lên tới 30,000 giờ

Ứng dụng trong



Thông số kỹ thuật và giá bán lẻ

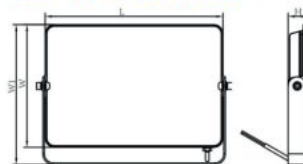
Mô tả sản phẩm	Công suất (W)	CCT (K)	PF	Quang thông (Lm)	Lm/W	Chỉ số mA	Tuổi thọ (Giờ)	Quy cách đóng gói (Đèn/Thùng)	Giá bán lẻ (VND)
LED Floodlight-EQ III 10W	10	3000/6500	0.95	900/1000	90/100	0.05	30.000	20	360.000
LED Floodlight-EQ III 20W	20	3000/6500	0.95	1800/2000	90/100	0.1	30.000	20	410.000
LED Floodlight-EQ III 30W	30	3000/4000/6500	0.95	2700	90	0.14	30.000	10	550.000
LED Floodlight-EQ III 50W	50	3000/4000/6500	0.95	4500	90	0.23	30.000	10	688.000
LED Floodlight-EQ III 70W	70	3000/4000/6500	0.95	6300	90	0.32	30.000	10	942.000
LED Floodlight-EQ III 100W	100	3000/4000/6500	0.95	9000	90	0.46	30.000	5	1.080.000
LED Floodlight-EQ III 150W	150	3000/4000/6500	0.95	13500	90	0.68	30.000	5	1.690.000
LED Floodlight-EQ III 200W	200	3000/4000/6500	0.95	18000	90	0.91	30.000	4	2.230.000

Thông số kỹ thuật	
CRI	≥80
Độ lệch màu SDCM	≤5
Dimable	Không
Màu sắc hoàn thiện	Grey
IP	IP66
IK	IK06
Kết nối Driver (Có/ Không)	Có
Kiểm tra an toàn	650°C
Tỷ lệ lỗi Driver	1% 5000h
Tính chất cơ học	
Chất liệu vỏ	Aluminum/ Nhôm đúc
Chất liệu hoàn thiện	PC

Nguồn điện	
Tần số (Hz)	50/60
Điện áp (V)	220 - 240
AC/DC	AC

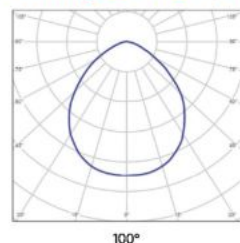
Điều kiện nhiệt độ lắp đặt	
Nhiệt độ vận hành	-30° - 45°C
Môi trường lắp đặt	25°C
Môi trường lưu kho	-25° - 50°C

Bản vẽ kích thước

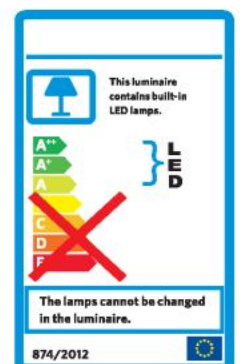


Mô tả sản phẩm	Length(mm)	Width(mm)	Width 1(mm)	Height(mm)
LED Floodlight-EQ III 10W	98	83	145	22
LED Floodlight-EQ III 20W	108	94	145	22
LED Floodlight-EQ III 30W	196	133	166	22
LED Floodlight-EQ III 50W	196	133	166	22
LED Floodlight-EQ III 70W	295	198	228	28
LED Floodlight-EQ III 100W	295	198	228	28
LED Floodlight-EQ III 150W	340	235	268	37
LED Floodlight-EQ III 200W	295	275	308	43

Thông số quang học



CB





Star Diamond U3

Tên đặt hàng	LEDCeiling-U3-Rd260 -13W-957-Star Diamond	LEDCeiling-U3-Rd350 -24W-957-Star Diamond
Model	MX260-D13-04	MX260-D13-04
Công suất (W)	13	24
CCT (K)	5700	5700
Kích thước (mm)	Ø270*58	Ø350*59
Chất liệu	PMMA + Steel	PMMA + Steel
Quang thông	1200	2000
Tuổi thọ (h)	15000	15000
Giá (VND)	340.000	510.000

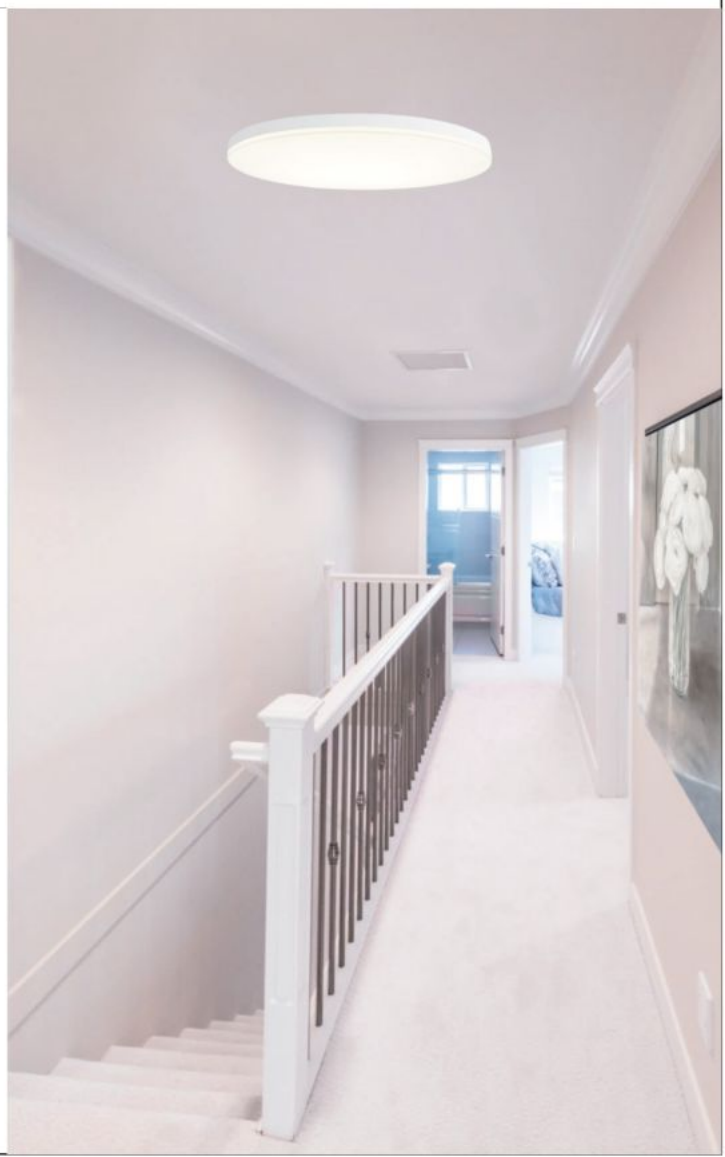
Tên đặt hàng	LEDCeiling-U3-Rd420-36W-957-Star Diamond
Model	MX260-D13-04
Công suất (W)	36
CCT (K)	5700
Kích thước (mm)	Ø420*68
Chất liệu	PMMA + Steel
Quang thông	3000
Tuổi thọ (h)	15000
Giá (VND)	710.000

LED

White - Ốp Trần Chống Côn Trùng

Tên đặt hàng	LEDCeiling-U4-Rd260 -13W-957-White-GP	LEDCeiling-U4-Rd350 -24W-957-White-GP
Model	MX260-D13-02	MX350-D24-01
Công suất (W)	13	24
IP	IP44	IP44
CCT (K)	5700	5700
Kích thước (mm)	Ø250*49	Ø330*50
Chất liệu	PMMA + Steel	PMMA + Steel
Quang thông	1000	2000
Tuổi thọ (h)	15000	15000
Giá (VND)	230.000	360.000

Tên đặt hàng	LEDCeiling-U4-Rd420-36W-957-White-GP
Model	MX420-D36-02
Công suất (W)	36
CCT (K)	5700
Kích thước (mm)	Ø400*59
Chất liệu	PMMA + Steel
Quang thông	3000
Tuổi thọ (h)	15000
Giá (VND)	560.000





LED

Akira

Tên đặt hàng	HC420 23W Akira
Công suất (W)	23W
Nhiệt độ màu (K)	4000K
Kích thước (mm)	Ø404*89mm
Chất liệu	PMMA+Metal
Quang thông	1900
Khu vực (m²)	12-16
Giá	644.000 (VND)



LED

Prism

Tên đặt hàng	HC380 18W Prism
Công suất (W)	18W
Nhiệt độ màu (K)	4000K
Kích thước (mm)	Ø380*90mm
Chất liệu	PMMA+Metal
Quang thông	1300
Khu vực (m²)	8-12
Giá	830.000 (VND)



Ramile II

Tên đặt hàng	LEDMirror-E-606-10W-840-Ramile II-GP
Công suất (W)	10W
CCT (K)	4000K
Quang thông (Lm)	600
IP	IP20
Chất liệu	Nhôm + Nhựa PC
Kích thước (mm)	606*82*45
Tuổi thọ (giờ)	20,000
Giá (VND)	1.080.000



Beauty

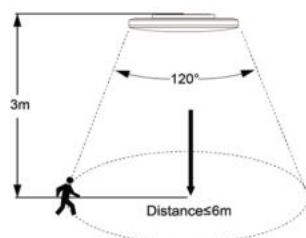
Tên đặt hàng	LEDceiling-U-Rd260-13W-957-Beauty-GP	LEDceiling-U-Rd350-24W-957-Beauty-GP
Model	MX260-D13-03	MX350-D24-02
Công suất (W)	13	24
CCT (K)	5700	5700
Kích thước (mm)	Ø250*51	Ø330*53
Chất liệu	PMMA + Steel	PMMA + Steel
Quang thông	1000	1800
Tuổi thọ (h)	15000	15000
Giá (VND)	280.000	420.000

Tên đặt hàng	LEDceiling-U-Rd420-36W-957-Beauty-GP
Model	MX420-D36-03
Công suất (W)	36
CCT (K)	5700
Kích thước (mm)	Ø400*61
Chất liệu	PMMA + Steel
Quang thông	2800
Tuổi thọ (h)	15000
Giá (VND)	630.000


LED
SENSOR LAMP

Detector 3 - Đèn Chống Côn Trùng - Cảm Biến

Tên đặt hàng	LED-Rd260-13W-957-Detector 3-Mic-GP
Model	MX260-D13-WG-01
Công suất (W)	13
CCT (K)	5700
Kích thước (mm)	Ø250*49
Chất liệu	PMMA + Steel
Quang thông	1200
Tuổi thọ (h)	15000
Giá (VND)	430.000





LED

WILLIAM

Tên đặt hàng	HML470 - William
Công suất (W)	9W
Nhiệt độ màu	3000/4000/6500K
Kích thước (mm)	480*90*50
Chất liệu	Aluminum/PC
Quang thông	600
Quy cách đóng gói	12 cái/ thùng
Giá	890,000



LED

XIAOBAI

Tên đặt hàng	LED HML549 10W 4000K XIAOBAI IBU
Công suất (W)	10W
Nhiệt độ màu	4000K
Kích thước (mm)	586*54*62mm
Chất liệu	Hardware+PMMA
Quy cách đóng gói	12 cái/ thùng
Giá	368,000



KIM QUANG ELECTRIC DISTRIBUTOR

www.kimquang.vn

Hotline: 0931 455 668

Sales: 0909 635 266 - 0938 118 428

OPPLE

OPPLE LIGHTING CATALOGUE

CÔNG TY TNHH OPPLÉ LIGHTING VIỆT NAM

Tầng 4, 781-C2 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh.

OPPLE LIGHTING

